

THÔNGIỆP
ÁNH SÁNG ĐỨC TIN - LUMEN FIDEI
CỦA ĐỨC THÁNH CHA PHANXICÔ
GỬI CÁC GIÁM MỤC, LINH MỤC VÀ PHÓ TẾ
NHỮNG NGƯỜI ĐÃ THÁNH HIẾN
VÀ TÍN HỮU GIÁO DÂN
VỀ ĐỨC TIN

Phaolô Phạm Xuân Khôi chuyển ngữ

1. Ánh sáng đức tin (Lumen Fidei): bằng cách diễn tả này, truyền thống của Hội Thánh nói về hồng ân cả thể mà Chúa Giêsu mang lại. Trong Tin Mừng Thánh Gioan, Đức Kitô nói về chính mình rằng: “Tôi, là ánh sáng, Tôi đến thế gian, để bất cứ ai tin vào Tôi, thì không ở lại trong bóng tối” (Ga 12:46). Thánh Phaolô cũng đưa ra những lời dưới đây: “Thiên Chúa là Đấng đã phán: ‘Ánh sáng hãy bùng lên từ nơi tối tăm, cũng là Đấng làm cho ánh sáng chiếu soi tâm hồn chúng tôi’ (2 Cor 4:6). Trong thế giới ngoại giáo, là thế giới khao khát ánh sáng, đã phát triển nghi tế thờ thần mặt trời, Sol Invictus, được cầu khẩn mỗi ngày vào lúc mặt trời mọc. Tuy nhiên, nếu mặt trời mọc lên mỗi buổi sáng, thì người ta biết rõ rằng nó không có khả năng chiếu sáng trên toàn thể đời sống con người. Thực ra, mặt trời không soi sáng mọi thực tại; tia sáng của nó không thể xuyên qua bóng tối sự chết, nơi đôi mắt của con người nhắm lại với ánh sáng của nó. Thánh Gustinô Tử Đạo viết “Có ai đã từng tìm thấy một người muốn chết để làm chứng cho đức tin vào mặt trời của mình chưa?”¹. Ý thức được chân trời bao la mà đức tin mở ra trước họ, các Kitô hữu gọi Đức Kitô là mặt trời thật “mà những tia sáng của Người ban sự sống”². Đối với bà Martha, người đã khóc vì cái chết của em trai mình là Ladarô, Chúa Giêsu nói: “Thầy đã chẳng nói với con rằng nếu con tin, con sẽ được thấy vinh quang của Thiên Chúa sao?” (Ga 11:40). Hãy xem, người nào tin, người ấy thấy một ánh sáng soi sáng toàn thể cuộc hành trình của mình, bởi vì ánh sáng ấy đến từ Đức Kitô Phục Sinh, sao mai không bao giờ lặn.

Một ánh sáng hão huyền?

2. Tuy nhiên, khi nói về ánh sáng đức tin, chúng ta có thể nghe thấy sự phản đối của nhiều người đương thời với mình. Trong thời hiện đại, người ta nghĩ rằng ánh sáng ấy có thể đủ cho các xã hội cũ, nhưng không còn ích lợi gì cho thời đại mới, bởi vì con người đã trưởng thành, tự hào về lý trí của mình, và muốn khám phá tương lai bằng những cách mới lạ. Theo nghĩa này, đức tin đã xuất hiện như một ánh sáng hão huyền, cản đường nhân loại trong việc táo bạo vun trồng kiến thức. Nietzsche khi còn trẻ khuyến khích em gái là Elisabeth chấp nhận rủi ro, để bước đi “con đường mới ... với tất cả sự không chắc

¹ Dialogus cum Tryphone Iudaeo, 121, 2: PG 6, 758.

² Clement of Alexandria, Protrepticus, IX: PG 8, 195.

chấn của một người phải tìm con đường riêng của mình”, và thêm rằng “đây là nơi mà con đường của nhân loại rẽ đôi: nếu em muốn an bình và hạnh phúc của tâm hồn, thì hãy tin, nhưng nếu em muốn trở thành một môn đồ của chân lý, thì hãy tìm kiếm”³. Việc làm của đức tin trái ngược với việc làm của tìm kiếm. Từ điểm khởi đầu này, Nietzsche đổ lỗi cho Kitô giáo là đã làm giảm ý nghĩa trọn vẹn của cuộc sống con người và tước đoạt sự mới lạ và phiêu lưu khỏi cuộc sống. Như vậy đức tin như một ảo ảnh của ánh sáng, một ảo ảnh ngăn chặn con đường tiến về tương lai của những người tự do chúng ta.

3. Trong tiến trình này, đức tin đã có liên hệ với bóng tối. Người ta đã nghĩ rằng có thể bảo vệ đức tin, tìm cho nó một chỗ để nó cùng tồn tại với ánh sáng của lý trí. Chỗ dành cho đức tin đã mở ra ở đó những nơi mà ánh sáng của lý trí không thể soi sáng được, những nơi mà con người không còn có thể có sự chắc chắn. Như thế, đức tin được hiểu hoặc như một bước nhảy vọt trong chân không, mà chúng ta thực hiện trong trường hợp không có ánh sáng, được điều khiển bởi cảm giác mù quáng, hoặc như một ánh sáng chủ quan, có thể có khả năng sưởi ấm tâm hồn và mang lại niềm an ủi cá nhân, nhưng không thể đề nghị cho người khác như ánh sáng khách quan và cộng đồng để chiếu soi con đường. Tuy nhiên, từ từ, người ta thấy rằng ánh sáng của lý trí tự nó không đủ để soi sáng tương lai; cuối cùng tương lai vẫn còn mù mịt và đặt con người trong vòng sợ hãi về những điều họ không biết rõ. Kết quả là con người từ bỏ việc tìm kiếm một ánh sáng vĩ đại, một Chân Lý Cao Cả, để hài lòng với những ánh sáng bé nhỏ là những ánh sáng chiếu soi những gì thoáng qua, nhưng không có khả năng chỉ đường. Tuy nhiên, khi vắng bóng ánh sáng, mọi sự trở nên mơ hồ, khiến chúng ta không thể phân biệt được tốt xấu, không thể phân biệt được con đường dẫn đến cùng đích của mình và những con đường khác dẫn chúng ta đi vòng vo mà không đến đâu cả.

Một ánh sáng để tái khám phá

4. Như thế có một nhu cầu cấp bách để phục hồi căn tính đặc biệt của ánh sáng đức tin, vì khi ngọn lửa đức tin bị lụi tàn thì tất cả những ánh sáng khác bắt đầu lu mờ. Thực ra, ánh sáng đức tin có một căn tính độc đáo, vì nó có khả năng chiếu soi tất cả mọi khía cạnh của đời sống con người. Để có một ánh sáng cũng mạnh mẽ như thế, nó không thể đến từ chính chúng ta nhưng từ một nguồn nguyên thủy hơn, nó dứt khoát phải đến từ Thiên Chúa. Đức tin phát sinh từ một cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống, Đấng mời gọi chúng ta và mặc khải cho chúng ta tình yêu của Ngài, một tình yêu đi trước chúng ta và trên đó chúng ta có thể dựa vào để được an toàn và để xây dựng cuộc đời mình. Được biến đổi bởi tình yêu này, chúng ta nhận được đôi mắt mới, chúng ta cảm nhận rằng đó là một lời hứa cả thể về sự viên mãn, và viễn tượng về tương lai đang mở ra trước mắt chúng ta. Đức tin mà chúng ta nhận được từ Thiên Chúa như một hồng ân siêu nhiên, trở thành một ánh sáng cho con đường của chúng ta, hướng dẫn cuộc hành trình của chúng ta trong thời gian. Một đàng, đó là một ánh sáng đến từ quá khứ, là ánh sáng nền tảng

³ Brief an Elisabeth Nietzsche (11 June 1865), in: Werke in drei Bänden, München, 1954, 953ff.

tưởng niệm cuộc đời Chúa Giêsu, là cuộc đời tở lộ tình yêu hoàn toàn đáng tin cậy của Người, có khả năng chiến thắng sự chết. Tuy nhiên, đồng thời vì Đức Kitô đã sống lại và kéo chúng ta ra khỏi cái chết, đức tin cũng là ánh sáng đến từ tương lai, mở ra trước mắt chúng ta những chân trời rộng lớn hướng dẫn chúng ta thắng vượt “cái tôi” cô lập của mình hướng về sự phong phú của sự hiệp thông. Như vậy chúng ta hiểu rằng đức tin không ở trong bóng tối; nhưng là một ánh sáng chiếu soi bóng tối của chúng ta. Dante, sau khi tuyên xưng đức tin của mình với Thánh Phêrô, đã diễn tả nó trong Bi Kịch về Thiên Chúa (La Divine Comédie) như một “tia lửa, mà sau đó trở thành một ngọn lửa cháy và chiếu sáng trong tôi như một ngôi sao trên trời”⁴. Chính ánh sáng này của đức tin là điều mà tôi muốn nói đến, ngõ hầu nó có thể lớn lên và soi sáng hiện tại, cho đến khi trở thành một ngôi sao soi chiếu những chân trời của cuộc hành trình của chúng ta, vào một thời điểm mà nhân loại đặc biệt cần ánh sáng.

5. Trước cuộc khổ nạn, Chúa đảm bảo cùng Thánh Phêrô: “Thầy đã cầu nguyện cho con để con khỏi mất đức tin” (Lc 22:32). Sau đó Người yêu cầu ông phải “làm cho các anh em ông nên mạnh mẽ” trong cùng một đức tin. Ý thức về nhiệm vụ được trao phó cho người Kế Vị Thánh Phêrô, Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI đã muốn công bố Năm Đức Tin này, một thời gian ân sủng giúp chúng ta cảm nhận được niềm vui lớn lao của việc tin, phục hồi nhận thức về sự bao la của những chân trời mà đức tin mở ra, để tuyên xưng đức tin trong tính duy nhất và toàn vẹn của nó, trung thành với việc tưởng niệm về Chúa và được nâng đỡ bởi sự hiện diện của Người cùng hoạt động của Chúa Thánh Thần. Niềm xác tín phát sinh từ một đức tin mang lại cho cuộc sống sự cao cả và thành tựu, đặt trọng tâm vào Đức Kitô và vào quyền năng của ân sủng Người, đã sinh động hóa sứ vụ của các Kitô hữu tiên khởi. Trong Công Vụ của các vị tử đạo, chúng ta đọc cuộc đối thoại sau đây giữa quan giám sự Rôma Rusticô và Kitô hữu Hierax: Quan tòa hỏi vị tử vì đạo “Cha mẹ người ở đâu?” ông trả lời: “Cha thật của chúng tôi là Đức Kitô, và mẹ chúng tôi là đức tin vào Người”⁵. Với những Kitô hữu tiên khởi này, đức tin, như một cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống được tở lộ trong Đức Kitô, là một “người mẹ”, vì nó đã mang lại cho họ ánh sáng và sinh ra trong họ sự sống thần linh, một kinh nghiệm mới, một cái nhìn quang minh về cuộc đời mà họ đã chuẩn bị sẵn sàng để làm chứng cách công khai cho đến cùng.

6. Năm Đức Tin đã được bắt đầu vào dịp kỷ niệm năm mươi năm khai mạc Công đồng Vaticanô II. Sự trùng hợp này cho phép chúng ta coi Công Đồng Vaticanô II như một Công Đồng về đức tin⁶, bởi vì nó đã mời gọi chúng ta một lần nữa đặt tính ưu việt của Thiên Chúa trong Đức Kitô ở trung tâm cuộc sống Hội Thánh và cá nhân của mình. Thực ra, Hội Thánh không bao giờ coi đức tin như điều đương nhiên, mà biết rằng hồng ân này

⁴ Paradiso XXIV, 145-147.

⁵ Acta Sanctorum, Junii, I, 21.

⁶ “Mặc dù Công đồng không nói rõ là bàn về đức tin, nhưng nói về đức tin trên mỗi trang, nhìn nhận việc sống đức tin, tính chất siêu nhiên của nó, giả định rằng nó đầy đủ và mạnh mẽ, và đặt giáo huấn của mình trên đó. Thật là đủ để nhắc lại những tuyên bố của Công Đồng ... để thấy tầm quan trọng thiết yếu mà Công Đồng, theo truyền thống tín lý của Hội Thánh, được gán cho đức tin, đức tin chân chính, bắt nguồn trong Đức Kitô, và huấn quyền của Hội Thánh là những mánh chẹn của nó “ (Phaolô VI, buổi triều yết chung [ngày 08 tháng ba năm 1967]: Insegnamenti V [1967], 705).

của Thiên Chúa cần phải được nuôi dưỡng và củng cố để nó có thể tiếp tục hướng dẫn cuộc hành trình của mình. Công Đồng Vaticanô II làm cho ánh sáng đức tin có thể chiếu soi kinh nghiệm nhân bản của chúng ta từ bên trong, trong khi cũng đồng hành trên những con đường của con người thời nay. Bằng cách này, nó cho thấy rõ ràng cách thức mà đức tin làm cho đời sống được phong phú trong mọi chiều kích của nó.

7. Những suy nghĩ này về đức tin – tiếp nối tất cả những gì Huấn Quyền của Hội Thánh đã công bố về nhân đức đối thần này⁷ – nhằm mục đích để thêm vào những gì mà Đức Bênêđictô XVI đã viết trong các Thông Điệp của ngài về đức mến (đức ái) và về đức cậy (hy vọng). Ngài hầu như hoàn thành một dự thảo đầu tiên của một thông điệp về đức tin. Tôi nhìn nhận công ơn ngài một cách sâu xa, và trong tinh huynh đệ của Đức Kitô, tôi tiếp tục công trình quý hóa này của ngài và thêm vào văn bản một vài đóng góp riêng của tôi. Người Kế Vị Thánh Phêrô, hôm qua, hôm nay và ngày mai, luôn luôn được mời gọi “củng cố anh em mình” trong kho tàng đức tin vô giá mà Thiên Chúa đã ban cho như ánh sáng soi chiếu cuộc hành trình của mỗi người.

Trong đức tin, món quà của Thiên Chúa, một nhân đức siêu nhiên được Ngài truyền cho chúng ta, chúng ta nhận ra rằng một Tình Yêu cả thể đã được ban cho chúng ta, một Lời nhân lành đã được nói với chúng ta, và khi chúng ta chào đón Lời này, là Chúa Giêsu Kitô, Ngôi Lời Nhập Thể, Chúa Thánh Thần biến đổi chúng ta, soi sáng con đường đi đến tương lai và làm lớn lên trong chúng ta đôi cánh hy vọng để đồng hành với chúng ta. Trong một sự đan kết tuyệt vời, đức tin, đức cậy và đức mến tạo thành động lực của đời sống Kitô hữu hướng đến sự hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa. Nhưng con đường này mà đức tin mở ra trước mắt chúng ta thì thế nào? Ánh sáng mạnh mẽ này là ánh sáng cho phép chiếu soi cuộc hành trình của một cuộc đời thành công và sinh đầy hoa trái đến từ đâu?

CHƯƠNG MỘT **CHÚNG TA ĐÃ TIN VÀO TÌNH YÊU**

(x. 1 Ga 4:16)

Ông Abraham, cha của chúng ta trong đức tin

8. Đức tin mở ra chúng ta con đường và cùng đi với những bước đường của chúng ta trong lịch sử. Do đó, nếu muốn hiểu đức tin là gì, chúng ta cần phải đi theo những con đường của nó, con đường của những người có đức tin, như đã được làm chứng trước hết trong Cựu Ước. Có một chỗ đặc biệt thuộc về ông Abraham, cha của chúng ta trong đức tin. Trong cuộc đời của ông có một sự kiện làm đảo lộn tất cả: Thiên Chúa dùng Lời mà nói với ông, Ngài tự mặc khải như một Thiên Chúa duy nhất Đáng nói và gọi tên ông. Đức

⁷ X., Thí dụ, Công Đồng Vaticanô I, Hiến Chế Tín Lý về Đức Tin Công Giáo Dei Filius, Ch. 3: DS 3008-3020; Công Đồng Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Mặc Khải của Thiên Chúa Dei Verbum, 5: Giáo Lý Hội Thánh Công Giáo, Số 153-165.

tin liên quan đến việc nghe. Ông Abraham không nhìn thấy Thiên Chúa, nhưng nghe giọng nói của Ngài. Bằng cách này, đức tin có một tính cách cá nhân. Như vậy, Thiên Chúa rõ ràng không phải là Thiên Chúa của một nơi nào đó, hoặc một Thiên Chúa liên hệ với một thời điểm thiêng liêng nào đó, nhưng Thiên Chúa của một người, Thiên Chúa của Abraham, Isaac và Giacóp, có khả năng tiếp xúc với con người và thiết lập một giao ước với họ. Đức tin là sự đáp trả của chúng ta với một Lời, là Lời chất vấn chúng ta một cách cá nhân, về một “Chúa”, Đáng gọi tên chúng ta.

9. Lời nói với ông Abraham này là một lời mời gọi và một lời hứa. Trước hết nó là một lời mời gọi ông rời bỏ mảnh đất của mình, một lời mời gọi mở lòng ra cho một cuộc sống mới, khởi đầu của một cuộc xuất hành dẫn ông về phía một tương lai không thể lường trước được. Viễn tượng mà đức tin cung cấp cho ông Abraham sẽ luôn luôn được nối kết với sự cần thiết phải thực hiện bước tiến này: đức tin “nhìn thấy” ông đi đến đâu, nơi ông bước vào vùng trời được mở ra bởi Lời Thiên Chúa. Lời này cũng chứa đựng một lời hứa: miêu duệ người sẽ rất đông đúc, người sẽ là cha của một dân vĩ đại (x. St 13:16; 15:5, 22:17). Thật đúng là một đáp trả với một Lời trước đó, đức tin của ông Abraham sẽ luôn luôn là một hành động tưởng nhớ. Tuy nhiên, sự tưởng nhớ này không đóng chặt trong quá khứ, nhưng vì là một tưởng nhớ về một lời hứa, nó trở nên có khả năng mở ra cho tương lai, soi sáng những bước đi dọc đường. Như vậy chúng ta thấy làm sao đức tin, như một sự tưởng nhớ đến tương lai, *memoria futuri*, lại liên hệ chặt chẽ với đức cậy.

10. Thiên Chúa đòi ông Abraham phải tin tưởng vào Lời này. Đức tin hiểu rằng Lời - một thực thể rõ ràng là phù du và thoáng qua, khi được Thiên Chúa trung tín công bố - lại trở nên hoàn toàn chắc chắn và không thể lay chuyển được, đảm bảo tính liên tục của cuộc hành trình của chúng ta trong thời gian. Đức tin đón nhận Lời này như đá tảng vững chắc, nền tảng vững vàng mà trên đó chúng ta có thể xây dựng. Đó là lý do tại sao trong Thánh Kinh, đức tin được diễn tả bằng từ Do Thái 'emûnāh, bắt nguồn từ động từ 'amān mà căn ngữ của nó có nghĩa là “nâng đỡ”. Thuật ngữ 'emûnāh có thể có nghĩa là sự trung tín của Thiên Chúa mà còn có nghĩa là đức tin của con người. Con người có đức tin nhận được sức mạnh bằng cách phó thác trong bàn tay Thiên Chúa trung tín. Việc chơi chữ dựa trên ý nghĩa đôi của từ này - cũng được tìm thấy trong các từ ngữ tương tự trong tiếng Hy Lạp (*pistos*) và Latin (*fidelis*) - Thánh Cyrilô thành Giêrusalem ca tụng phẩm giá của Kitô hữu là người đón nhận chính danh của Thiên Chúa: cả hai đều được gọi là “trung tín”⁸. Như Thánh Augustinô giải thích: “Con người trung thành khi tin vào lời mà Thiên Chúa đã hứa, Thiên Chúa trung tín khi ban cho con người những gì mà Ngài đã hứa”⁹.

11. Một suy nghĩ cuối cùng về lịch sử ông Abraham là điều quan trọng để hiểu đức tin của ông. Lời Thiên Chúa, tuy mang đến với nó sự mới mẻ và bất ngờ, nhưng không xa lạ gì với kinh nghiệm của Tổ Phụ. Trong giọng của Đáng nói với ông, ông Abraham nhận ra một lời mời gọi sâu xa, đã vĩnh viễn được khắc ghi trong tâm điểm của cuộc đời ông.

⁸ x. Giáo lý V, 1: PG 33, 505A.

⁹ In Psal. 32, II, s. I, 9: PL 36, 284.

Thiên Chúa liên kết lời hứa của Ngài với “nơi” mà cuộc sống con người đã luôn luôn tỏ ra đầy hứa hẹn: việc làm cha mẹ, việc sinh ra sự sống mới: “Sarah vợ người sẽ sinh một con trai, và người sẽ đặt tên nó là Isaac” (St 17:19). Thiên Chúa này, Đấng đòi hỏi ông Abraham phải hoàn toàn tin tưởng tỏ mình ra là nguồn gốc của toàn thể đời sống. Bằng cách này, đức tin liên hệ đến Phụ Tính của Thiên Chúa, mà từ đó phát sinh ra tạo vật: Thiên Chúa, Đấng gọi ông Abraham là Đấng Tạo Hóa, là Đấng “làm cho những điều không có thành có” (Rm 4:17), Đấng “đã chọn chúng ta trước khi tạo thành thế gian ... và tiền định cho chúng ta làm nghĩa tử đối với Ngài” (Ep 1,4-5). Với ông Abraham, đức tin vào Thiên Chúa soi sáng những nguồn gốc sâu thẳm nhất của con người ông, cho phép ông nhận ra nguồn mạch của sự tốt lành, là nguồn gốc của tất cả mọi sự, và xác nhận rằng cuộc đời của ông không phát sinh từ nhưng không hoặc tình cờ, nhưng từ một ơn gọi và một tình yêu cá nhân. Thiên Chúa huyền nhiệm, Đấng đã gọi ông không phải là một Thiên Chúa xa lạ, nhưng là nguồn gốc của mọi sự và nâng đỡ tất cả. Cuộc thử thách lớn lao về đức tin của ông Abraham, việc hiến tế con trai ông là Isaac, cho thấy mức độ mà tình yêu nguyên thủy này có thể đảm bảo sự sống thậm chí vượt trên sự chết. Lời có thể làm sống lại một người con cho một thân xác “như chết” và trong “lòng như đã chết” của bà Sarah son sẻ (x. Rm 4:19), Lời cũng có thể thực hiện lời hứa của Ngài về một tương lai vượt trên tất cả những đe dọa hoặc nguy hiểm (x. Dt 11:19; Rm 4:21).

Đức Tin của dân Israel

12. Lịch sử của dân Israel, trong Sách Xuất Hành, theo chân đức tin của ông Abraham. Đức tin một lần nữa được sinh ra từ một hồng ân nguyên thủy: Dân Israel phó thác vào hành động của Thiên Chúa, Đấng muốn giải phóng họ khỏi cảnh đau khổ của họ. Đức tin được mời gọi vào một cuộc hành trình dài để có thể thờ phượng Chúa trên núi Sinai và thừa kế một đất hứa. Tình yêu Thiên Chúa có những đặc tính của một người cha bồng bế con mình dọc theo cuộc hành trình (x. Dt 1:31). Lời tuyên xưng đức tin của dân Israel được hình thành như một tường thuật kể lại những nghĩa cử của Thiên Chúa, về hành động của Ngài để giải phóng và hướng dẫn dân Ngài (x. Dt 26:5-11), một tường thuật mà dân chúng truyền lại từ thế hệ này sang thế hệ khác. Ánh sáng của Thiên Chúa chiếu soi cho dân Israel qua việc tưởng nhớ đến những việc làm cả thể của Chúa, được nhớ lại và tuyên xưng trong các nghi lễ, và được truyền lại từ đời cha đến đời con. Như thế, ở đây chúng ta thấy ánh sáng đức tin được liên kết với tường thuật cụ thể về đời sống, với việc tưởng nhớ cách biết ơn những nghĩa cử của Thiên Chúa và việc thực hiện cách tiệp tiến lời hứa của Ngài. Kiến trúc gothic đã diễn tả rõ ràng điều này: trong những nhà thờ chính tòa lớn, ánh sáng đến từ trời qua những cửa kính là những nơi mô tả lịch sử thánh. Ánh sáng của Thiên Chúa đến với chúng ta qua những tường thuật về mặc khải của Ngài, và do đó trở nên có khả năng soi sáng cuộc hành trình của chúng ta qua thời gian bằng cách nhắc lại những nghĩa cử của Thiên Chúa, và cho thấy Ngài hoàn thành những lời hứa của Ngài ra sao.

13. Lịch sử của dân Israel còn cho chúng ta thấy sự cảm dỗ về việc thiếu lòng tin mà dân chúng đã nhiều lần đầu hàng. Ở đây việc thờ ngẫu tượng có vẻ như đối nghịch với đức tin. Trong khi ông Môsê đang đàm đạo với Thiên Chúa trên núi Sinai, thì dân chúng không thể chịu đựng được mầu nhiệm về sự ẩn mình của Ngài nữa, họ không thể chịu nổi thời gian chờ đợi để thấy dung nhan của Ngài nữa. Theo bản tính, đức tin đòi hỏi phải từ bỏ việc sở hữu lập tức mà cảnh tượng này có vẻ như đáp ứng, đó là một lời mời gọi tự mở lòng ra đón nguồn mạch của ánh sáng, trong khi tôn trọng mầu nhiệm riêng của một Dung Nhan, sẽ tự mình tỏ mình cách cá nhân vào thời điểm thuận tiện riêng. Martin Buber trích dẫn một định nghĩa về ngẫu tượng được giáo sĩ Do thái Kock đề ra: việc thờ ngẫu tượng xảy ra khi “khi một khuôn mặt kính cẩn hướng về một khuôn mặt không phải là một dung nhan”¹⁰. Thay vì đức tin vào Thiên Chúa, người ta thích thờ ngẫu tượng hơn, đó là ngẫu tượng mà chúng ta biết khuôn mặt và có nguồn gốc, bởi vì nó là tác phẩm chúng ta. Trước ngẫu tượng, chúng ta không có nguy cơ bị mời gọi từ bỏ sự an toàn riêng của mình, bởi vì ngẫu tượng “có miệng, nhưng không nói” (Tv 115:5). Như thế chúng ta hiểu rằng ngẫu tượng chỉ là một lý do để con người đặt mình ở trung tâm của thực tại qua việc thờ phượng công trình do tay mình làm ra. Một khi đã bị mất định hướng cơ bản, là điều cung cấp cho cuộc đời tính đơn nhất, con người bị lạc đường trong những ước muốn đa dạng của mình. Khi không chịu chờ đợi thời điểm của lời hứa, con người bị phân tán trong hàng ngàn những khoảnh khắc của lịch sử mình. Cho nên, việc thờ ngẫu tượng luôn luôn là tôn giáo đa thần, một di chuyển không có mục đích từ một chúa này sang một chúa khác. Việc thờ ngẫu tượng không cung cấp cho con người một con đường nhưng rất nhiều lối mòn, không dẫn đến một cùng đích chắc chắn mà thay vào đó tạo ra một mê hồn trận. Những người không muốn đặt niềm tin vào Thiên Chúa phải nghe những tiếng ồn ào của vô số ngẫu tượng kêu la: “Hãy tin tưởng vào tôi!” Đức tin gắn liền với việc hoán cải, trái ngược với việc thờ ngẫu tượng; đức tin là một sự đoạn tuyệt với ngẫu tượng để trở về với Thiên Chúa hằng sống, trong một cuộc gặp gỡ cá nhân. Tin có nghĩa là phó thác mình cho một tình yêu đầy thương xót, là tình yêu luôn luôn đón nhận và tha thứ, nâng đỡ và hướng dẫn cuộc đời chúng ta, và chúng tỏ sức mạnh của nó bằng khả năng sửa chữa những sai lệch của lịch sử của chúng ta. Đức tin hệ tại việc sẵn sàng để cho mình được liên tục biến đổi và canh tân bằng lời mời gọi của Thiên Chúa. Đây là sự nghịch lý: bằng cách liên tục quy hướng về Chúa, con người khám phá ra một con đường chắc chắn giải thoát họ khỏi sự phân tán mà ngẫu tượng áp đặt trên họ.

14. Trong đức tin của dân Israel cũng có ông Môsê, người trung gian. Dân chúng không thể nhìn thấy dung nhan Thiên Chúa; chính ông Môsê thưa chuyện cùng Đức Giavê trên núi và sau đó nói với mọi người thánh ý của Chúa. Với sự hiện diện này của người trung gian, dân Israel học đồng hành với nhau trong sự hiệp nhất. Hành động đức tin của mỗi người tìm thấy chỗ đứng của mình trong một cộng đồng, trong “cái chúng ta” chung của dân chúng, là những người trong đức tin, giống như một người duy nhất - “con đầu lòng của Ta”, như Thiên Chúa sẽ gọi toàn thể dân Israel (x. Xh 4:22). Việc làm trung gian ở đây

¹⁰ M. Buber, *Die Erzählungen der Chassidim*, Zurich, 1949, 793.

không trở thành một chướng ngại, nhưng một sự mở ra: trong cuộc gặp gỡ với những người khác, cái nhìn của chúng ta mở ra cho một chân lý thật lớn hơn chúng ta. J.J. Rousseau có lần than thở rằng ông không thể tự mình nhìn thấy Thiên Chúa: “Có biết bao nhiêu người đứng giữa Thiên Chúa và tôi!”¹¹.... “Có phải cũng đơn giản và tự nhiên mà Thiên Chúa đã tìm ông Môsê để nói với ông Jean Jacques Rousseau không?”¹². Dựa vào một quan niệm theo chủ nghĩa cá nhân và sự giới hạn của kiến thức, người ta không thể hiểu được ý nghĩa của việc làm trung gian là khả năng tham gia vào cái nhìn của người khác này, sự hiểu biết được chia sẻ này là kiến thức đặc thù của tình yêu. Đức tin là món quà nhưng không của Thiên Chúa, Đấng đòi hỏi lòng khiêm tốn và can đảm để tin tưởng và phó thác, ngõ hầu nhìn thấy con đường sáng dẫn đến cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa và con người: lịch sử cứu độ.

Sự viên mãn của đức tin Kitô giáo

15. “Abraham [...] hơn hởi vui mừng vì sẽ thấy ngày của Tôi, ông đã thấy nó và đã vui mừng” (Ga 8:56). Theo những lời này của Chúa Giêsu, đức tin của ông Abraham chỉ về Người, theo một nghĩa nào đó, nó đã là một cái nhìn cho biết trước màu nhiệm của Người. Thánh Augustinô cũng hiểu như vậy khi ngài quả quyết rằng các Tổ Phụ đã được cứu bởi đức tin, không phải đức tin vào Đức Kitô đã đến, nhưng vào Đức Kitô sẽ đến, một đức tin hướng về biến cố tương lai của Chúa Giêsu¹³. Đức tin Kitô giáo đặt trọng tâm vào Đức Kitô, đức tin ấy tuyên xưng rằng Chúa Giêsu là Chúa và rằng Thiên Chúa đã cho Người sống lại từ cõi chết (x. Rm 10:9). Tất cả các nhân vật của Cựu Ước đều hội tụ vào Đức Kitô, Người trở thành câu trả lời “Có” dứt khoát cho tất cả những lời hứa, nền tảng của lời thưa “Amen” cuối cùng của chúng ta với Thiên Chúa (x. 2 Cor 1:20). Lịch sử của Chúa Giêsu là sự tỏ lộ hoàn toàn mức độ đáng tin cậy của Thiên Chúa. Nếu dân Israel tiếp tục nhắc lại những hành vi cao cả của tình yêu Thiên Chúa, là những điều tạo thành cốt lõi của lời tuyên xưng đức tin của họ và mở rộng cái nhìn của họ về đức tin, thì từ đó cuộc đời của Chúa Giêsu xuất hiện như một địa điểm của sự can thiệp dứt khoát của Thiên Chúa, sự biểu lộ cao nhất của tình yêu của Ngài dành cho chúng ta. Lời mà Thiên Chúa nói với chúng ta trong Chúa Giêsu không chỉ đơn thuần là một lời bổ túc trong số rất nhiều lời, nhưng là Lời vĩnh cửu của Ngài (x. Dt 1:1-2). Thiên Chúa không thể ban cho chúng ta một đảm bảo nào lớn hơn tình yêu của Ngài, như Thánh Phaolô nhắc nhở chúng ta (x. Rm 8:31-39). Như vậy, đức tin Kitô giáo là đức tin vào một tình yêu trọn vẹn, trong quyền năng hiệu quả của nó, trong khả năng của nó để biến đổi thế gian và soi sáng thời gian. “Chúng ta đã biết và tin vào tình yêu mà Thiên Chúa dành cho chúng ta” (1 Ga 4:16). Trong tình yêu của Thiên Chúa được tỏ lộ nơi Chúa Giêsu, đức tin nhận ra nền tảng mà trên đó toàn thể thực tại và số phận cuối cùng của nó dựa vào.

¹¹ Émile, Paris, 1966, 387.

¹² Lettre à Monseigneur de Beaumont, L'Âge d'Homme, Lausanne, p. 110.

¹³ x. In Ioh. Evang, 45, 9:.. PL 35, 1722-1723.

16. Bằng chứng lớn lao nhất về mức độ đáng tin cậy của tình yêu Đức Kitô được tìm thấy trong chết của Người vì nhân loại. Nếu việc hy sinh mạng sống của mình cho bạn hữu là bằng chứng lớn nhất của tình yêu (x. Ga 15:13), thì Chúa Giêsu đã hiến mạng sống Người cho mọi người, ngay cả những kẻ thù của Người, để biến đổi tâm hồn họ. Đó là lý do tại sao theo các thánh sử, thì cái nhìn về đức tin đạt đến tột đỉnh vào giờ của Thánh Giá, giờ mà trong đó sự cao cả và tràn đầy của tình yêu Thiên Chúa được tỏa sáng. Thánh Gioan đặt ở đây lời chứng long trọng của ngài, khi chiêm ngắm Đấng bị đâm thâu qua cùng với Mẹ Chúa Giêsu (x. Ga 19:37). “Có người xem thấy việc ấy đã làm chứng, và lời chứng của người ấy thì chân thật; và người ấy biết mình nói thật để anh em tin” (Ga 19:35). F.M. Dostoevsky, trong tác phẩm *Thằng Ngốc* (L'Idiot), làm cho nhân vật chính, Hoàng tử Myskin, khi nhìn thấy một bức tranh về Đức Kitô chết trong mồ của Hans Holbein Trẻ, nói: “Khi nhìn vào bức tranh này một tín hữu có thể mất đức tin của mình”¹⁴. Thật vậy, bức tranh trình bày một cách khủng khiếp những hậu quả tàn khốc của cái chết trên thân thể Đức Kitô. Tuy nhiên, chính trong việc chiêm ngắm cái chết của Chúa Giêsu mà đức tin được củng cố và nhận được một ánh sáng huy hoàng, khi nó được biểu lộ như đức tin vào tình yêu không thể lay chuyển được của Đức Kitô dành cho chúng ta, một tình yêu có khả năng bước vào cái chết để cứu chúng ta. Tôi có thể tin vào Tình Yêu này, một Tình Yêu không lùi bước trước cái chết để chứng tỏ Người yêu tôi thế nào; việc hoàn toàn tự hiến của Người thắng vượt mọi nghi ngờ và cho phép chúng ta phó thác hoàn toàn vào Đức Kitô.

17. Trên hết, trong ánh sáng việc Phục Sinh, cái chết của Đức Kitô cho thấy rõ mức độ hoàn toàn đáng tin cậy của tình yêu Thiên Chúa. Như Đấng Phục Sinh, Đức Kitô là nhân chứng đáng tin cậy, xứng đáng với đức tin (x. Kh 1:5; Dt 2:17), là sự nâng đỡ vững chắc cho đức tin của chúng ta. Thánh Phaolô quả quyết: “Nếu Đức Kitô đã không sống lại, thì đức tin của anh em là đức tin vô ích” (1 Cor 15:17). Nếu tình yêu của Chúa Cha đã không cho Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết, nếu Ngài đã không có thể ban sự sống lại cho thân xác của Người, thì sẽ không phải là một tình yêu hoàn toàn đáng tin cậy, cũng có khả năng chiếu soi những bóng tối của sự chết. Khi Thánh Phaolô nói về đời sống mới của ngài trong Đức Kitô, ngài nói về “đức tin vào Con Thiên Chúa, là Đấng đã yêu thương tôi và đã hiến mạng sống mình vì tôi” (Gl 2:20). “Đức tin vào Con Thiên Chúa” này chắc chắn là đức tin của Vị Tông Đồ Dân Ngoại vào Chúa Giêsu, nhưng nó cũng nói lên rằng Chúa Giêsu đáng tin cậy, không chỉ dựa trên tình yêu cho đến chết của Người mà còn trên việc Người là con Thiên Chúa. Chính bởi vì Chúa Giêsu là Chúa Con, bởi vì Người hoàn toàn ở trong Chúa Cha, Người đã có thể chiến thắng sự chết và làm cho sự viên mãn của sự sống được sáng tỏ. Nền văn hóa của chúng ta đã đánh mất khái niệm về sự hiện diện hữu hình của Thiên Chúa, về hoạt động của Ngài trong thế gian. Chúng ta nghĩ rằng chỉ tìm thấy Thiên Chúa ở bên ngoài, trên một mức độ khác của thực tại, tách biệt khỏi các mối liên hệ hàng ngày của chúng ta. Nhưng nếu điều này đúng, nếu Thiên Chúa không thể hoạt động trong thế gian, thì tình yêu của Ngài sẽ không thực sự mạnh mẽ, thực sự có

¹⁴ Phần II, IV.

thật, và như thế, Ngài cũng không phải là một tình yêu thật, một tình yêu có khả năng mang lại hạnh phúc mà Ngài đã hứa. Vì vậy tin hay không tin vào Ngài tất cả sẽ chẳng khác gì nhau. Trái lại, các Kitô hữu tuyên xưng đức tin của họ vào tình yêu cụ thể và mạnh mẽ của Thiên Chúa, Đấng thực sự hoạt động trong lịch sử và quyết định vận mệnh cuối cùng của nó, một tình yêu mà con người có thể gặp gỡ, một tình yêu hoàn toàn được mặc khải trong cuộc Khổ Nạn, Cái Chết và Phục Sinh của Đức Kitô.

18. Sự viên mãn mà Chúa Giêsu mang đến cho đức tin có một khía cạnh quyết định khác. Trong đức tin, Đức Kitô không chỉ đơn thuần là Đấng mà chúng ta tin, là biểu hiện cao cả nhất của tình yêu Thiên Chúa, Người cũng là Đấng mà chúng ta kết hợp với để có thể tin. Đức tin không chỉ đơn thuần là ngắm nhìn Chúa Giêsu, nhưng nhìn mọi sự theo quan điểm của Chúa Giêsu, với đôi mắt của Người: đó là một sự tham gia vào cách nhìn của Người. Trong nhiều lĩnh vực của cuộc đời, chúng ta tin tưởng vào những người khác, là những người biết nhiều hơn mình. Chúng ta tin tưởng vào các kiến trúc sư là những người xây nhà mình, vào dược sĩ là những người cho chúng ta thuốc để chữa bệnh, vào các luật sư là những người bảo vệ chúng ta tại tòa án. Chúng ta cũng cần một ai đó đáng tin cậy và chuyên môn về những việc có liên quan đến Thiên Chúa. Chúa Giêsu, Con của Ngài, là Đấng tự giới thiệu như Đấng giải thích cho chúng ta về Thiên Chúa (x. Ga 1:18). Cuộc đời Đức Kitô, cách Người biết Chúa Cha và sống hoàn toàn trong mối liên hệ với Ngài, mở ra một không gian mới cho kinh nghiệm của con người mà chúng ta có thể vào được. Thánh Gioan đã đưa ra tầm quan trọng của một mối liên hệ cá nhân với Chúa Giêsu đối với đức tin của chúng ta bằng cách sử dụng các cách dùng khác nhau của động từ tin. Ngoài việc “tin rằng” những gì Chúa Giêsu nói với chúng ta là sự thật, Thánh Gioan cũng dùng thuật ngữ “tin” Chúa Giêsu và “tin vào” Chúa Giêsu. Chúng ta “tin” Chúa Giêsu khi chúng ta chấp nhận Lời Người, chứng từ của Người, bởi vì Người trung thực (x. Ga 6:30). Chúng ta “tin vào” Chúa Giêsu khi chúng ta đích thân đón Người vào cuộc đời và cuộc hành trình của chúng ta về phía Người, gắn bó với Người trong tình yêu và bước theo Người trên đường đời (x. Ga 2:11; 6:47; 12:44).

Để giúp chúng ta biết Người, đón nhận Người và theo Người, Con Thiên Chúa mặc lấy xác thịt của chúng ta. Bằng cách này, Người cũng nhìn Chúa Cha một cách nhân loại, trong khung cảnh của một cuộc hành trình diễn ra trong thời gian. Đức tin Kitô giáo là đức tin vào sự nhập thể của Ngôi Lời và sự Sống Lại của Người trong thân xác, đức tin vào một Thiên Chúa rất gần gũi chúng ta và đã đi vào lịch sử nhân loại của chúng ta. Đức tin vào Con Thiên Chúa làm người trong Chúa Giêsu thành Nagiareth không tách chúng ta ra khỏi thực tại, nhưng cho phép chúng ta chấp nhận ý nghĩa sâu xa nhất của nó, để tìm hiểu xem Thiên Chúa yêu thương thế giới này bao nhiêu và không ngừng hướng nó về phía Ngài. Điều này thúc đẩy các Kitô hữu dần thân, để sống một cách mãnh liệt hơn trong cuộc hành trình trần thế.

Ơn cứu độ bởi đức tin

19. Từ việc chia sẻ cách nhìn của Chúa Giêsu này, Thánh Phaolô đã để lại cho chúng ta trong các bài của ngài một mô tả về đời sống đức tin. Qua việc chấp nhận hồng ân đức tin, các tín hữu được biến đổi thành một tạo vật mới. Họ nhận được một con người mới, là con cái [Thiên Chúa]; họ trở nên con cái trong Chúa Con. Cụm từ “Abba, Lạy Cha”, là lời rất đặc trưng của kinh nghiệm của Chúa Giêsu, trở thành trung tâm của kinh nghiệm Kitô giáo (x. Rm 8:15). Đời sống trong đức tin, như một đời con thảo, là một sự nhìn nhận hồng ân nguyên thủy và triệt để, là nền tảng của cuộc sống con người, và có thể được tóm tắt trong câu của Thánh Phaolô gửi tín hữu Côrinthô: “Có gì mà anh em đã không nhận được?” (1 Cor 4:7). Đây chính là trung tâm của cuộc tranh luận của Thánh Phaolô với những người Biệt Phái, cuộc tranh luận về ơn cứu độ bằng đức tin hay bằng việc làm của Lê Luật. Điều mà Thánh Phaolô bác bỏ là thái độ của những người tự coi mình là công chính trước mặt Thiên Chúa qua trung gian của hành động đúng của mình. Những người như thế, ngay cả khi họ tuân giữ các điều răn và làm những việc lành, tự đặt mình ở trung tâm, mà không nhận ra rằng nguồn gốc của sự tốt lành là Thiên Chúa. Những người làm như thế, muốn thành nguồn gốc của sự công chính riêng của họ, họ nhanh chóng thấy rằng sự công chính này trở nên khô cằn và họ không thể thậm chí giữ được lòng trung thành với Lê Luật. Họ tự khép kín mình và tự cô lập đối với Chúa và với tha nhân, kết quả là cuộc đời của họ trở nên trống rỗng và những công việc của họ trở nên cằn cỗi như một cây sống xa nước. Thánh Augustinô cũng đưa ra bằng ngôn từ ngắn gọn và hiệu quả của ngài: “Ab eo qui fecit te, noli deficere nec ad te”, “Đừng quay lưng lại với Đấng đã dựng nên bạn, ngay cả để quay về phía chính mình”¹⁵. Khi một người nghĩ rằng bằng cách quay lưng lại với Thiên Chúa họ sẽ tìm thấy chính bản thân họ, cuộc đời người ấy bắt đầu sụp đổ (x. Lc 15:11-24). Khởi đầu của ơn cứu độ là mở lòng ra với một cái gì có trước, với một món quà nguyên thủy là món quà đảm bảo cho cuộc sống và duy trì nó trong đời. Chỉ bằng cách mở lòng của chúng ta ra cho nguồn gốc này và qua việc nhìn nhận nó, con người mới có thể được biến đổi, nhờ để cho ơn cứu độ hoạt động trong mình và làm cho cuộc đời mình sinh hoa trái, đầy những hoa trái tốt. Ơn cứu độ nhờ đức tin có nghĩa là công nhận tính ưu việt của hồng ân của Thiên Chúa. Như Thánh Phaolô đã tóm lược: “Nhờ ân sủng mà anh em được cứu độ qua đức tin; và đó không phải bởi anh em, mà là bởi ân huệ của Thiên Chúa” (Eph 2:8).

20. Luận lý mới của đức tin đặt trọng tâm vào Đức Kitô. Đức tin vào Đức Kitô cứu chúng ta bởi vì chính trong Người mà cuộc sống mở ra cách triệt để cho một Tình Yêu đi trước chúng ta và biến đổi chúng ta từ bên trong, một Tình Yêu hoạt động trong chúng ta và với chúng ta. Điều này được thấy rõ trong chú giải một đoạn văn từ Sách Đệ Nhị Luật của Vị Tông Đồ Dân Ngoại, một chú giải phù hợp với động năng rất sâu sắc của Cựu Ước. Ông Môsê nói với dân chúng rằng giới luật của Thiên Chúa không quá cao mà cũng không quá xa với con người. Người ta không cần phải nói: “Ai sẽ lên trời mà đem nó xuống cho

¹⁵ De Continentia, 4, 11: PL 40, 356.

chúng tôi” hoặc “Ai sẽ đi qua bên kia biển, đem nó về cho chúng tôi?” (Đnl 30:11-14). Sự gần gũi này của lời Chúa được Thánh Phaolô giải thích như phản ảnh sự hiện diện của Đức Kitô trong các Kitô hữu. “Đừng tự nhủ rằng, ‘Ai sẽ lên trời?’ (nghĩa là, để đem Đức Kitô xuống), hoặc ‘Ai sẽ xuống âm phủ?’ (nghĩa là, để đem Đức Kitô lên từ cõi chết)” (Rm 10:6-7). Đức Kitô đã xuống trần và đã sống lại từ cõi chết; qua việc Nhập Thể và Phục Sinh của Người, Con Thiên Chúa chấp nhận toàn thể cuộc hành trình của con người và ở trong tâm hồn chúng ta nhờ Chúa Thánh Thần. Đức tin biết rằng Thiên Chúa đã rất gần gũi chúng ta, rằng Đức Kitô đã trở nên một hồng ân cao cả cho chúng ta, hồng ân biến đổi chúng ta từ bên trong, ở trong chúng ta, và do đó ban cho chúng ta ánh sáng chiếu soi nguyên thủy và cứu cánh của cuộc đời, toàn thể tiến trình của cuộc hành trình của con người.

21. Do đó, chúng ta có thể hiểu sự mới mẻ mà đức tin dẫn chúng ta đến. Người tín hữu được biến đổi bởi Tình Yêu mà họ đã mở lòng ra đón nhận trong đức tin, và qua việc mở lòng ra đón nhận Tình Yêu mà đức tin ban cho họ, cuộc đời của họ rộng mở vượt ra ngoài chính mình. Thánh Phaolô có thể quả quyết: “Tôi sống nhưng không còn là tôi sống, mà là Đức Kitô sống trong tôi” (Gl 2:20), và khuyên nhủ: “Chớ gì Đức Kitô ngự trong tâm hồn anh em nhờ đức tin” (Eph 3:17). Trong đức tin, “cái tôi” của người tín hữu mở rộng để có chỗ cho Người Khác cư ngụ, để sống trong Người Khác, và cuộc sống của người ấy cũng mở rộng ra trong Tình Yêu. Ở đây có hoạt động của Chúa Thánh Thần. Người Kitô hữu có thể có đôi mắt của Chúa Giêsu, những tình cảm của Người, và tâm tình con thảo của Người, bởi vì người đó được thông phần vào Tình Yêu của Người, Tình Yêu ấy chính là Chúa Thánh Thần. Chính trong Tình Yêu này mà chúng ta một cách nào đó nhận được cái nhìn riêng của Chúa Giêsu. Nếu không có việc nên đồng hình đồng dạng này trong Tình Yêu, nếu không có sự hiện diện của Chúa Thánh Thần là Đấng được đổ vào lòng chúng ta (x. Rm 5:5), thì chúng ta không thể nào tuyên xưng Chúa Giêsu là Chúa (x. 1 Cor 12:3).

Hình thức Hội Thánh của đức tin

22. Bằng cách này, đời sống của người tín hữu trở thành đời sống của Hội Thánh. Khi Thánh Phaolô nói với các Kitô hữu Rôma về một thân thể duy nhất mà tất cả những ai tin vào Đức Kitô tạo thành, ngài khuyên nhủ họ đừng tự hào về điều này, trái lại, mỗi người phải nghĩ về mình “theo mức độ đức tin mà Thiên Chúa đã ban phát cho mình” (Rm 12:3). Các tín hữu học cách nhìn chính mình theo đức tin mà họ tuyên xưng: Hình ảnh của Đức Kitô là tấm kính (gương) mà ở đó họ tìm thấy hình ảnh riêng của họ được thể hiện. Và như Đức Kitô ôm ấp trong Mình tất cả mọi tín hữu, là những kẻ tạo thành thân thể của Người, người Kitô hữu hiểu rằng mình được bao gồm trong thân thể này, trong mối liên hệ nguyên thủy với Đức Kitô và tất cả các tín hữu khác trong đức tin. Hình ảnh của một thân thể không có ý hạ các tín hữu xuống thành một phần tử đơn giản của một tổng thể vô danh, một thành phần thô sơ trong một bộ máy vĩ đại, nhưng đúng hơn là muốn nhấn mạnh đến sự kết hợp sống còn của Đức Kitô với các tín hữu, và các tín hữu với nhau (x.

Rm 12 :4-5). Các Kitô hữu là “một” (x. Gl 3:28), mà không mất đi cá tính của mình, và trong việc phục vụ người khác, chính nội tâm của mỗi người lại được lợi nhất. Điều này giải thích lý do tại sao, ngoài thân thể này, ngoài sự hiệp nhất này của Hội Thánh trong Đức Kitô, ngoài Hội Thánh này mà - theo lời của Romano Guardini - “là người mang trong lịch sử cái nhìn toàn diện của Đức Kitô về thế gian”¹⁶ – thì đức tin mất đi “tiêu chuẩn” của nó, mất sự cân bằng của nó, không còn tìm thấy nơi thiết yếu để [dựa vào mà] tự mình đứng vững. Đức tin là một hình thức nhất thiết phải thuộc về Hội Thánh, nó được tuyên xưng từ bên trong thân thể Đức Kitô, như sự hiệp thông cụ thể của các tín hữu. Chính từ chỗ thuộc về Hội Thánh này mà đức tin mở lòng mọi Kitô hữu ra với tất cả mọi người. Lời của Đức Kitô, một lần được nghe, nhờ chính động năng của nó biến đổi thành một lời đáp trả trong các Kitô hữu, và tự trở thành một lời được công bố, một tuyên xưng đức tin. Như Thánh Phaolô đã nói: “ai tin bằng tấm lòng [...] và tuyên xưng ra miệng thì được cứu độ” (Rm 10:10). Đức tin không phải là một vấn đề riêng tư, một khái niệm theo cá nhân chủ nghĩa hoặc một ý kiến chủ quan, nhưng phát sinh từ việc được nghe, và mục đích là để được nói ra và trở thành lời công bố. “Làm sao họ sẽ tin vào Đấng mà họ chưa được nghe? Và làm sao mà họ sẽ được nghe, nếu không có người rao giảng?” (Rm 10:14). Như thế, đức tin trở nên có hiệu quả trong các Kitô hữu nhờ hồng ân nhận được, nhờ Tình Yêu đó thu hút tâm hồn chúng ta về với Đức Kitô (x. Gl 5:6), và làm cho chúng ta trở nên một phần tử của cuộc hành trình của Hội Thánh, cuộc hành hương qua lịch sử hướng về sự viên mãn của nó. Đối với những người đã được biến đổi theo cách này, một cách nhìn mới được mở ra, đức tin trở thành ánh sáng cho đôi mắt của họ.

CHƯƠNG HAI **NẾU ANH EM KHÔNG TIN,** **ANH EM SẼ KHÔNG HIỂU**

(x. Is 7:9)

Đức tin và chân lý

23. Nếu ngài không tin, thì ngài không hiểu (x. Is 7: 9). Bản Hy Lạp của Thánh Kinh Do Thái, bản Bảy Mươi phát hành ở Alexandria Ai Cập, dịch những lời của ngôn sứ Isaia nói cùng vua Aha. Bằng cách này vấn đề hiểu biết về chân lý chiếm vị thế trung tâm của đức tin. Tuy nhiên, trong văn bản tiếng Do Thái, chúng ta đọc khác. Ở đó, ngôn sứ nói với nhà vua: “Nếu ngài không tin, ngài không thể đứng vững.” Ở đây có một cách chơi chữ, dựa trên hai hình thức của động từ 'amàn: “ngài tin” (ta'aminu), và “ngài có thể đứng vững” (ta'amenu). Sợ hãi vì sức mạnh của quân thù, nhà vua tìm an toàn mà việc liên minh với đại đế quốc Assyria có thể cung cấp cho vua. Khi ấy, ngôn sứ yêu cầu nhà vua nên chỉ dựa vào đá tảng thực sự, đá tảng không ai có thể lay chuyển nổi, là Thiên Chúa của dân Israel. Vì Thiên Chúa đáng tin cậy, thật là hợp lý để tin vào Ngài, để xây dựng sự an toàn

¹⁶ “Vom Wesen katholischer Weltanschauung” (1923), trong Unterscheidung des Christlichen. Gesammelte Studien 1923-1963, Mainz, 1963, 24.

thích đáng của vua dựa trên Lời Ngài. Chính Ngài là Thiên Chúa mà chẳng bao lâu nữa ngôn sứ Isaia sẽ gọi hai lần, “Thiên Chúa của Amen” (x. Is 65:16), nền tảng bền vững của lòng trung thành với Giao Ước. Người ta có thể nghĩ rằng bản Hy Lạp của Thánh Kinh, khi dịch “đứng vững” thay vì “hiều”, đã tạo ra một thay đổi sâu xa trong văn bản, vì việc đổi từ khái niệm tin tưởng vào Thiên Chúa trong Thánh Kinh sang khái niệm hiểu biết của Hy Lạp. Bản dịch này, tuy chắc chắn là chấp nhận đối thoại với nền văn hóa Hy Lạp, nhưng đã không bỏ qua động lực cơ bản sâu xa của văn bản Do Thái. Thật ra, lời hứa chắc chắn của ngôn sứ Isaia cho nhà vua, là do sự hiểu biết về hoạt động của Thiên Chúa cùng sự hiệp nhất mà Ngài ban cho đời sống con người và lịch sử của dân Ngài. Ngôn sứ khuyến khích nhà vua hiểu đường lối của Chúa, bằng cách tìm kiếm trong sự thành tín của Thiên Chúa chương trình khôn ngoan đang điều khiển nhiều kỷ nguyên. Thánh Augustinô đã trình bày sự tổng hợp của “hiểu biết” và “đứng vững” trong sách Tư Thú của ngài khi ngài nói về chân lý, mà dựa vào đó chúng ta có thể đứng vững “trong Ngài [Chúa], trong chân lý của Ngài, con sẽ được kiên định và vững vàng”¹⁷. Từ bối cảnh này, chúng ta biết rằng Thánh Augustinô muốn vạch ra cách chân lý đáng tin cậy này của Thiên Chúa trung thành hiện diện trong lịch sử như thế nào, khả năng giữ thời gian của nó, qua việc kết hợp những ngày bị phân tán của con người, như thấy rõ trong Thánh Kinh¹⁸.

24. Khi đọc dưới ánh sáng này, đoạn văn của ngôn sứ Isaia đưa đến một kết luận: con người cần sự hiểu biết, cần chân lý, bởi vì không có nó, con người không thể đứng vững được. Đức tin, nếu không có chân lý, thì không có khả năng cứu độ, không đảm bảo được bước đi của chúng ta. Nó vẫn còn là một câu chuyện đẹp, phóng chiếu những ao ước hạnh phúc của chúng ta, một cái gì đó mà chỉ thỏa mãn chúng ta vì chúng ta muốn lừa dối chính mình. Hoặc nó bị giảm xuống thành một cảm giác tốt đẹp, có thể an ủi và sưởi ấm, nhưng vẫn còn liên quan đến tâm trạng của chúng ta, theo sự thay đổi của thời gian, không có khả năng nâng đỡ một cuộc hành trình liên tục trong đời sống chúng ta. Nếu đức tin là như thế, thì vua Aha đã làm đúng vì đã không đánh cá cuộc sống và sự an toàn của vương quốc của ông trên một cảm giác. Bằng sự nối kết nội tại của nó với chân lý, đức tin có thể cung cấp một ánh sáng mới trên các tính toán của nhà vua, bởi vì nó thấy xa hơn, bởi vì nó bao gồm các hoạt động của Thiên Chúa, trung thành với Giao Ước và những lời hứa của Ngài.

25. Ngày nay, chính vì cuộc khủng hoảng chân lý mà trong đó chúng ta đang sống, nên hơn bao giờ hết, chúng ta cần phải nhắc lại mối liên hệ giữa đức tin và chân lý. Trong văn hóa đương thời, người ta thường có khuynh hướng chỉ chấp nhận như chân lý những sự thật của kỹ thuật: chân lý là những gì con người có thể xây dựng và đo lường dựa vào kiến thức của họ. Một điều là chân lý vì nó hiệu quả, do đó làm cho cuộc sống được thoải mái và dễ dàng hơn. Ngày nay chân lý ấy dường như là chân lý chắc chắn duy nhất, duy nhất mà chúng ta có thể chia sẻ với những người khác, duy nhất mà chúng ta có thể thảo

¹⁷ XI, 30, 40: PL 32, 825.

¹⁸ X. như trên., 825-826.

luận và trong đó người ta có thể cùng nhau tham gia. Hơn nữa còn có những chân lý của mỗi người, bao gồm tình trạng đích thực mà mọi người đều cảm thấy trong lòng, những chân lý chỉ có giá trị cho cá nhân và không có thể đề nghị cho những người khác với ý định phục vụ công ích. Chân lý cao cả, chân lý giải thích tất cả mọi sự của cuộc sống cá nhân và xã hội, bị người ta nhìn với đôi mắt nghi ngờ. Người ta tự hỏi rằng nó chẳng phải là chân lý mà những chế độ chuyên chế lớn của những thế kỷ trước đã mong muốn, một chân lý áp đặt vũ trụ quan của nó để nghiên nát lịch sử cụ thể của từng cá nhân sao? Chung cuộc, chỉ còn lại một thuyết tương đối, trong đó câu hỏi về chân lý phổ quát, mà cơ bản cũng là một câu hỏi về Thiên Chúa, không còn được quan tâm nữa. Trong bối cảnh này, việc người ta muốn loại bỏ sự kết nối giữa tôn giáo với chân lý là điều hợp lý, bởi vì sự kết nối ấy sẽ là căn nguyên của cuồng tín, tìm cách để đàn áp những người không chia sẻ cùng một niềm tin. Chúng ta có thể nói, về đề tài này, về một sự mất trí nhớ lớn trong thế giới hiện đại của chúng ta. Thực ra, câu hỏi về chân lý là một vấn đề của ký ức, của ký ức sâu xa, bởi vì nó đề cập đến những người đi trước chúng ta, và nó có thể thành công trong việc kết hợp chúng ta một cách vượt trên “cái tôi” nhỏ bé và giới hạn của mình. Đây là một câu hỏi về nguồn gốc của tất cả, trong ánh sáng của nó người ta có thể nhìn thấy mục đích và cũng là ý nghĩa của con đường chung của chúng ta.

Sự hiểu biết về chân lý và tình yêu

26. Trong trường hợp này, đức tin Kitô giáo có thể cung cấp một phục vụ cho công ích về một cách thể đúng đắn để hiểu chân lý không? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta cần phải suy nghĩ về loại kiến thức phù hợp với đức tin. Một cách diễn tả của Thánh Phaolô có thể giúp cho điều này, khi ngài nói, “tin trong trái tim” (x. Rm 10:10). Theo Thánh Kinh thì trái tim là trung tâm của con người, là nơi giao nhau của tất cả các chiều kích khác nhau của nó: thân thể và tinh thần; nội tâm của con người và sự cởi mở của người ấy với thế giới và với những người khác; trí tuệ, ý chí và tình cảm. Vâng, nếu trái tim có khả năng kết hợp các chiều kích này, vì nó là nơi mà chúng ta mở lòng ra cho chân lý và tình yêu, và là nơi chúng ta để cho mình được chạm đến và biến đổi sâu xa bởi chúng. Đức tin biến đổi toàn thể con người, theo mức độ mà nó mở ra cho tình yêu. Chính ở nơi gặp gỡ giữa đức tin với tình yêu này mà chúng ta biết được loại hiểu biết thích hợp với đức tin, sức thuyết phục và khả năng soi sáng những bước đi của chúng ta của nó. Đức tin biết theo mức độ mà nó gắn liền với tình yêu, theo mức độ mà tình yêu tự nó mang một ánh sáng. Sự hiểu biết về đức tin là điều phát sinh khi chúng ta nhận được tình yêu cao cả của Thiên Chúa là Đấng biến đổi chúng ta từ bên trong và ban cho chúng ta đôi mắt mới để nhìn thực tại.

27. Cách thể mà triết gia Ludwig Wittgenstein giải thích về mối liên hệ giữa đức tin và sự chắc chắn được rất nhiều người biết đến. Theo ông thì tin tương tự như kinh nghiệm về yêu đương, một kinh nghiệm được hiểu như chủ quan, mà người ta không thể đề nghị như một chân lý thích hợp cho tất cả mọi người¹⁹. Thực ra, đối với con người hiện đại câu

¹⁹ X. Vermischte Bemerkungen / Văn hóa và Giá trị, ed. G.H. von Wright, Oxford, 1991, 32-33, 61-64.

hỏi về tình yêu dường như không có liên quan gì đến chân lý. Tình yêu ngày nay được hiểu như một kinh nghiệm liên quan đến thế giới cảm xúc hay thay đổi, chứ không còn là chân lý.

Đây có thực sự là một mô tả đầy đủ về tình yêu không? Thực ra, tình yêu không thể bị thu gọn thành một cảm xúc nay đến mai đi. Đương nhiên nó ảnh hưởng đến yếu tố tình cảm của chúng ta, nhưng để mở ra cho người mình yêu và để bắt đầu một cuộc hành trình, thì phải từ bỏ việc đóng cái “tôi” riêng lại để đi về phía người khác, để xây dựng một mối liên hệ lâu dài; tình yêu là sự hiệp thông với người mình yêu. Do đó, rõ ràng theo một nghĩa nào đó, tình yêu cần chân lý. Chỉ khi nào tình yêu dựa trên chân lý thì nó mới có thể đứng vững với thời gian, vượt trên những giây phút thoáng qua và vững vàng để nâng đỡ một cuộc hành trình chung. Nếu tình yêu không liên kết với chân lý, nó lệ thuộc vào sự bất ổn của tình cảm và không thể vượt qua được sự thử thách của thời gian. Tuy nhiên, tình yêu đích thực, kết hợp tất cả các yếu tố của con người chúng ta, và trở thành một ánh sáng mới hướng đến một cuộc sống cao cả và sung mãn. Nếu không có chân lý thì tình yêu không thể cung cấp mối dây liên hệ vững chắc, nó không thành công trong việc đem cái “tôi” ra khỏi sự cô lập, cũng không giải phóng nó khỏi những giây phút thoáng qua để xây dựng đời sống và sinh hoa kết quả.

Nếu tình yêu cần chân lý, thì chân lý cũng cần tình yêu. Tình yêu và chân lý không thể tách rời nhau được. Nếu không có tình yêu, chân lý trở nên lạnh lẽo, trở thành vô cảm và đàn áp cuộc sống cụ thể của con người. Chân lý mà chúng ta tìm kiếm đem lại ý nghĩa cho bước đường của chúng ta, soi sáng chúng ta khi chúng ta được tình yêu chạm đến. Ai yêu thì hiểu rằng tình yêu là một kinh nghiệm về chân lý, chính nó mở mắt chúng ta để thấy toàn thể thực tại một cách mới mẻ, trong sự kết hợp với người mình yêu. Theo nghĩa này, Thánh Grêgôriô Cả đã viết rằng “amor ipse notitia est” - tình yêu tự nó là kiến thức, mang trong nó một luận lý mới²⁰. Nó là một cách nhìn về thế giới với sự liên hệ, trở thành sự hiểu biết được chia sẻ, một cái nhìn theo nhãn quan của người khác và cái nhìn chung về tất cả mọi sự. Guillaume de Saint Thierry, thời Trung cổ, theo truyền thống này khi ông chú giải về một câu Nhã Ca mà ở đó tình quân nói với tình lang: Đôi mắt của em là mắt bò câu (x. Nc 1:15)²¹. Guillaume giải thích rằng đôi mắt của người yêu, là lý trí có đức tin và tình yêu, sẽ trở thành một mắt duy nhất để chiêm ngắm Thiên Chúa, khi trí tuệ là “một trí tuệ của tình yêu được giác ngộ”²².

28. Việc khám phá này về tình yêu, như nguồn mạch của sự hiểu biết, là một phần của kinh nghiệm ban đầu của mọi người, được diễn tả bằng một quan niệm về đức tin trong Thánh Kinh. Nhờ ném thử tình yêu mà qua đó Thiên Chúa đã chọn họ và thiết lập họ thành một dân tộc, dân Israel cảm nhận được sự thống nhất của kế hoạch của Thiên Chúa, từ khởi thủy của nó cho đến hoàn thành. Sự hiểu biết về đức tin, vì được phát sinh

²⁰ Homiliae in Evangelia, II, 27, 4: PL 76, 1207.

²¹ X. Expositio sur Cantica Cantorum, XVIII, 88: CCL, Continuatio Mediaevalis 87, 67.

²² Như trên, XIX, 90: CCL, Continuatio Mediaevalis 87, 69.

từ tình yêu của Thiên Chúa, là Đấng thực hiện Giao Ước, nên là sự hiểu biết soi sáng cuộc hành trình trong lịch sử. Đây cũng là lý do tại sao trong Thánh Kinh, chân lý và lòng trung thành đi đôi với nhau, và Thiên Chúa thật là Thiên Chúa trung tín, Đấng giữ những lời hứa của Ngài, và cho phép người ta hiểu được kế hoạch của Ngài trong thời gian. Qua kinh nghiệm của các ngôn sứ, trong đau khổ của cuộc lưu đày và hy vọng về việc dứt khoát trở lại thành thánh, dân Israel có cảm giác rằng chân lý này của Thiên Chúa trải ra ngoài lịch sử họ của nó để bao trùm lịch sử của toàn thế giới, kể từ lúc tạo dựng. Sự hiểu biết về đức tin soi sáng không những chỉ cuộc hành trình đặc biệt của một dân tộc, nhưng toàn thể cuộc hành trình của thế giới tạo vật, từ nguyên thủy của nó để ngày viên mãn.

Đức tin như thính giác và thị giác

29. Bởi vì sự hiểu biết về đức tin nối liền với Giao Ước của một Thiên Chúa thành tín, Đấng thiết lập một liên hệ tình yêu với con người và nói với họ bằng Lời, được trình bày trong Thánh Kinh như một sự lắng nghe và liên hệ với thính giác. Thánh Phaolô sử dụng một công thức đã trở thành cổ điển: *fides ex auditu*, “đức tin đến bởi nghe” (Rm 10:17). Liên hệ với lời nói, sự hiểu biết luôn luôn là sự hiểu biết cá nhân, một sự hiểu biết nhận ra giọng nói, tự nguyện mở ra cho giọng nói ấy và làm theo nó trong sự vâng phục. Đó là lý do tại sao Thánh Phaolô đã nói về “sự vâng phục của đức tin” (x. Rm 1: 5, 16, 26)²³. Hơn nữa, đức tin là sự hiểu biết liên quan đến quá trình thời gian, mà lời cần phải có để nói: đó là một kiến thức chỉ có thể học được bằng cách đi theo [Thầy] trong cuộc hành trình (sequela). Việc nghe giúp ta trình bày lại cách rõ ràng hơn mối liên hệ giữa kiến thức và tình yêu.

Đối với kiến thức về chân lý, đôi khi thính giác lại trái ngược với thị giác, và đó là sự đặc thù của nền văn hóa Hy Lạp. Nếu, một đàng, ánh sáng giúp chúng ta chiêm ngắm toàn diện những gì mà con người vẫn luôn luôn mơ ước, thì đàng khác, dường như nó không còn dành một chỗ nào cho tự do, vì nó xuống từ trời và đi thẳng vào mắt mà không đòi mắt trả lời. Ngoài ra, nó có vẻ mời một chiêm niệm tĩnh, tách biệt khỏi điều kiện cụ thể trong đó con người vui mừng và đau khổ. Theo quan niệm này, tiếp cận Thánh Kinh về hiểu biết trái ngược với tiếp cận của Hy Lạp, vì người Hy Lạp nối kết kiến thức với thị giác trong khi theo đuổi sự hiểu biết toàn diện về thực tại.

Tuy nhiên, rõ ràng là sự đối chọi giả tạo này không phù hợp với tường thuật trong Thánh Kinh. Cựu Ước, đã dung hòa hai loại hiểu biết này, bởi vì việc lắng nghe Lời Thiên Chúa gắn liền với ước muốn được nhìn thấy Thánh Nhan Ngài. Bằng cách này, có thể khai triển

²³ “Sự vâng phục của đức tin (Rm 16:26; so với Rm 1:5, 2; Cor 10:5-6) phải là sự đáp trả của chúng ta với Thiên Chúa là Đấng mạc khải. Nhờ đức tin mà một người tự nguyện dâng hiến toàn tâm trí và ý chí cho Thiên Chúa là Đấng mạc khải, và sẵn sàng chấp nhận sự mạc khải mà Thiên Chúa ban. Để có đức tin này, chúng ta cần ân sủng của Thiên Chúa tiên liệu và giúp đỡ, cũng như sự trợ giúp bên trong của Chúa Thánh Thần, Đấng chạm đến tâm hồn và hoán cải nó để trở về với Thiên Chúa, cùng mở đôi mắt của tâm trí và làm cho ‘mọi người dễ dàng đón nhận và tin vào chân lý’. Cùng một Chúa Thánh Thần liên tục hoàn thiện đức tin bằng những hồng ân của Ngài, ngõ hầu mạc khải càng ngày càng được hiểu biết sâu xa hơn” (Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải của Thiên Chúa, Dei Verbum, 5).

một cuộc đối thoại với nền văn hóa Hy Lạp, đối thoại là trung tâm của Thánh Kinh. Thính giác minh chứng cho ơn gọi cá nhân và sự vâng phục, cùng sự thật là chân lý được mặc khải trong thời gian; thị giác cung cấp một viễn tượng đầy đủ về toàn thể cuộc hành trình và cho phép nó nằm trong kế hoạch vĩ đại của Thiên Chúa; không có cái nhìn này, chúng ta sẽ chỉ có những mảnh vụn riêng rẽ của một tổng thể hoàn toàn không ai biết đến.

30. Sự kết nối giữa thị giác và thính giác, như các cơ quan của sự hiểu biết về đức tin, hiển hiện rõ ràng hơn trong Tin Mừng Thánh Gioan. Theo Tin Mừng thứ tư thì tin chính là lắng nghe và đồng thời nhìn thấy. Sự lắng nghe của đức tin xảy ra trong hình thức hiểu biết đặc trưng cho tình yêu: đó là một sự lắng nghe cá nhân, phân biệt được và nhận ra giọng của Chúa Chiên Lành (x. Ga 10:3-5); một sự lắng nghe đòi hỏi nơi các môn đệ, như đã xảy ra với các môn đệ đầu tiên, những người “nghe những lời ấy và đi theo Chúa Giêsu” (Ga 1:37). Đàng khác, đức tin cũng liên quan đến thị giác. Đôi khi việc nhìn thấy những dấu chỉ của Chúa Giêsu đi trước đức tin, như với người những Do Thái, sau khi ông Ladarô sống lại, “nhìn thấy những gì Người đã làm và tin vào Người” (Ga 11:45). Lần khác, chính đức tin dẫn đến một cái nhìn sâu sắc hơn: “Nếu con tin, con sẽ nhìn thấy vinh quang của Thiên Chúa” (Ga 11:40). Cuối cùng, tin và nhìn thấy gắn bó với nhau: “Ai tin Tôi (...) là tin Đấng đã sai tôi; và ai thấy Tôi là thấy Đấng đã sai Tôi” (Ga 12:44-45). Nhờ sự liên kết với việc nghe này, cái nhìn trở thành một quyết tâm đi theo Đức Kitô, và đức tin xuất hiện như một tiến trình chăm chú nhìn, trong đó đôi mắt học được thói quen nhìn theo chiều sâu. Và như thế, vào buổi sáng Phục Sinh, chúng ta chuyển từ Gioan, người vẫn còn trong bóng tối trước ngôi mộ trống, “đã thấy và đã tin” (Ga 20:8) sang Maria Magdalena là người từ khi “nhìn thấy Chúa Giêsu” (x. Ga 20:14) và muốn ôm chặt lấy Người, nhưng được mời chiêm ngắm việc Người lên cùng Chúa Cha; cho đến lời thú nhận trọn vẹn của cũng Maria Magdalena này với các môn đệ: “Tôi đã thấy Chúa!” (Ga 20:18).

Làm thế nào mà chúng ta đạt được sự tổng hợp này giữa việc nghe và việc nhìn thấy? Điều này có thể được qua chính con người Chúa Giêsu, là Đấng chúng ta có thể thấy và nghe. Người là Ngôi Lời Nhập Thể, mà chúng ta đã chiêm ngắm vinh quang của Người (x. Ga 1:14). Ánh sáng đức tin là ánh sáng của một Dung Nhan mà trên đó chúng ta thấy Chúa Cha. Thật vậy, trong Tin Mừng thứ tư, chân lý mà đức tin cảm nhận được, là việc tỏ lộ Chúa Cha trong Chúa Con, trong thân xác của Người và trong các việc làm của Người khi còn tại thế, chúng ta có thể định nghĩa chân lý là “cuộc đời đầy ánh sáng” của Chúa Giêsu²⁴. Điều này có nghĩa là sự hiểu biết về đức tin không mời gọi chúng ta nhìn vào một chân lý hoàn toàn nội tâm. Chân lý mà đức tin mở ra cho chúng ta là một chân lý đặt trọng tâm vào cuộc gặp gỡ Đức Kitô, vào việc chiêm ngắm cuộc đời của Người, vào ý thức về sự hiện diện của Người. Theo ý nghĩa này, Thánh Thôma Aquinô nói về *oculata fides* của các Tông Đồ - một đức tin nhìn thấy! – trước việc nhìn thấy thân thể của Đấng Phục

²⁴ X. H. Schlier, *Meditationen über den Johanneischen Begriff der Wahrheit*, in: *Besinnung auf das Neue Testament. Exegetische Aufsätze und Vorträge 2*, Freiburg, Basel, Wien 1959, 272.

Sinh²⁵. Các ông đã nhìn thấy Chúa Giêsu Phục Sinh với đôi mắt của các ông và các ông đã tin, nghĩa là các ông đã có thể thấu suốt chiều sâu của những gì các ông thấy để tuyên xưng Con Thiên Chúa, Đấng đang ngự bên hữu Chúa Cha.

31. Chỉ bằng cách này, qua việc Nhập Thể, qua việc chia sẻ bản tính của nhân loại chúng ta, mà sự hiểu biết đúng về tình yêu có thể hoàn toàn thể hiện. Thực ra, ánh sáng tình yêu nảy sinh khi con tim chúng ta được chạm đến, và chúng ta đón nhận sự hiện diện nội tâm của Đấng mình yêu, là Đấng cho phép chúng ta nhận ra mầu nhiệm của Người. Như vậy, chúng ta hiểu lý do tại sao, với thánh giác và thị giác, đức tin, theo Thánh Gioan, là một “sự chạm đến”, như ngài nói trong thư thứ nhất: “(...) điều chúng tôi đã nghe, điều chúng tôi đã thấy tận mắt (...) điều tay chúng tôi đã chạm đến là Lời ban sự sống” (1 Ga 1: 1). Qua việc Nhập Thể của Người, qua việc đến giữa chúng ta, Chúa Giêsu đã chạm vào chúng ta, và qua các Bí Tích Người cũng chạm vào chúng ta hôm nay; bằng cách này, qua việc biến đổi tâm hồn chúng ta, Người đã và đang cho phép chúng ta nhận ra và tuyên xưng Người là Con Thiên Chúa. Nhờ đức tin, chúng ta có thể chạm đến Người và nhận được sức mạnh của ân sủng Người. Thánh Augustinô, khi chú giải về đoạn nói về người phụ nữ bị băng huyết chạm vào Chúa Giêsu để được chữa lành (Lc 8:45-46) xác quyết rằng: “Chạm đến bằng con tim, đó chính là tin”²⁶. Đám đông vây quanh Người, nhưng họ không đến được với Người bằng việc chạm đến cách cá nhân của đức tin, là điều nhận ra mầu nhiệm của Người, bản chất Chúa Con của Người là Đấng mặc khải Chúa Cha. Chỉ khi nào chúng ta trở nên đồng hình đồng dạng với Đức Kitô, thì chúng ta mới nhận được đôi mắt đầy đủ để nhìn thấy.

Cuộc đối thoại giữa đức tin và lý trí

32. Vì rao giảng chân lý về tình yêu trọn vẹn của Thiên Chúa và mở lòng ra với quyền năng của tình yêu này, mà đức tin Kitô giáo đi thật sâu vào trung tâm của kinh nghiệm của mỗi người, là những kẻ đến cùng ánh sáng nhờ tình yêu và được mời gọi yêu thương để ở lại trong ánh sáng. Được thúc đẩy bởi ước ao soi sáng tất cả thực tại bằng tình yêu của Thiên Chúa trong Chúa Giêsu và tìm cách yêu thương với tình yêu này, các Kitô hữu tiên khởi tìm thấy trong thế giới Hy Lạp, trong sự đói khát chân lý của nó, một đối tác thích hợp cho cuộc đối thoại. Cuộc gặp gỡ giữa sứ điệp Tin Mừng và các tư tưởng triết học của thế giới cổ đại là một bước quyết định để Tin Mừng đến với mọi dân tộc. Nó thuận lợi cho một sự tương tác hiệu quả giữa đức tin và lý trí, một tương tác luôn luôn phát triển qua nhiều kỷ nguyên cho đến thời đại chúng ta. Chân Phước Gioan Phaolô II, trong Thông Điệp Fides et Ration (Đức tin và Lý trí), đã cho thấy đức tin và lý trí củng cố lẫn nhau thế nào²⁷. Khi chúng ta tìm thấy ánh sáng trọn vẹn của tình yêu của Chúa Giêsu, chúng ta nhận ra rằng, trong tất cả tình yêu của chúng ta, đã có một tia của ánh sáng ấy và chúng ta hiểu được mục tiêu cuối cùng của nó gì. Và, đồng thời, sự thể là tình yêu của chúng ta chứa

²⁵ X. S. Th. III, q. 55, a. 2, ad 1.

²⁶ Sermo 229/L, 2 : PLS 2, 576 : “Tangere autem corde, hoc est credere”.

²⁷ X. Thông Điệp Fides et Ratio (14 tháng 9 năm 1998), 73: AAS (1999), 61-62.

đựng một ánh sáng trong nó, giúp chúng ta nhìn thấy con đường tình yêu hướng đến sự viên mãn của món quà tự hiến hoàn toàn của Con Thiên Chúa dành cho chúng ta. Trong chuyển động vòng tròn này, ánh sáng đức tin soi sáng tất cả các mối liên hệ nhân loại của chúng ta, để chúng ta có thể sống trong sự hiệp thông với tình yêu và sự ân cần của Đức Kitô.

33. Trong cuộc đời của Thánh Augustinô, chúng ta thấy một ví dụ quan trọng về cuộc hành trình này, trong đó việc tìm kiếm của lý trí, với ước ao của ngài về chân lý và sự rõ ràng, đã hòa nhập vào chân trời đức tin, từ đó nó đã nhận được một sự hiểu biết mới. Một mặt, Thánh Augustinô chấp nhận triết lý Hy Lạp về ánh sáng với việc nhấn mạnh đến thị giác. Cuộc gặp gỡ với chủ nghĩa Tân Platon giới thiệu ngài với mô thức ánh sáng, là ánh sáng chiếu từ trên xuống để soi sáng mọi sự, và do đó cũng là một biểu tượng của Thiên Chúa. Bằng cách này, Thánh Augustinô đã hiểu sự siêu việt của Thiên Chúa và đã khám phá ra rằng tất cả mọi sự đều có trong chính mình một sự trong sáng nào đó, và có thể nói rằng chúng có thể phản ánh sự tốt lành của Thiên Chúa, là Đấng Nhân Lành. Ngài được giải thoát khỏi học thuyết của Mani giáo mà ngài sống trước đó, là thuyết làm cho ngài tin rằng lành và dữ liên tục đối chọi nhau, pha trộn và kết hợp với nhau, mà không có đường nét rõ ràng. Việc hiểu rằng Thiên Chúa là ánh sáng cho ngài một hướng đi mới trong cuộc đời, cho ngài khả năng nhận ra sự dữ và tình trạng tội lỗi của ngài, và trở về với điều lành.

Tuy nhiên, mặt khác, trong kinh nghiệm thực tế của Thánh Augustinô, như ngài kể trong Tự Thú của ngài, giây phút quyết định trong cuộc hành trình đức tin của ngài không phải là một thị kiến về Thiên Chúa ở trên cao và vượt ra ngoài thế gian này, mà là giây phút lắng nghe, trong vườn khi ngài nghe có tiếng nói với mình: “Hãy cầm lấy và đọc”; và ngài cầm quyển sách có các Thư của Thánh Phaolô lên và ngừng lại ở chương thứ mười ba của Thư gửi tín hữu Rôma²⁸. Bằng cách này Thiên Chúa cá nhân của Thánh Kinh tỏ mình ra với ngài, có thể nói chuyện với con người, xuống để sống với họ và đồng hành với họ trong hành trình qua lịch sử, qua việc xuất hiện trong giây phút lắng nghe và đáp trả.

Tuy nhiên, cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa của Lời đã không đưa Thánh Augustinô đến việc chối bỏ ánh sáng và thị giác. Luôn được hướng dẫn bởi mạc khải về tình yêu Thiên Chúa trong Chúa Giêsu, ngài dung hợp hai quan điểm. Và do đó ngài đã khai triển một triết lý về ánh sáng có thể đón nhận vào mình sự hỗ tương thích hợp với lời và mở ra một không gian tự do nhìn về phía ánh sáng. Cũng như lời là một đáp trả tự do, thì ánh sáng cũng tìm thấy một hình ảnh phản chiếu nó như một sự đáp trả. Như thế, Thánh Augustinô có thể nói về “lời chiếu sáng nội tâm con người” nhờ kết hợp thính giác và thị giác²⁹. Bằng cách này, chúng ta có thể nói rằng, ánh sáng trở thành ánh sáng của một lời, bởi vì nó là ánh sáng của một Dung Nhan cá nhân, một ánh sáng chiếu soi trong chúng ta, mời gọi chúng ta và muốn phản ánh trên khuôn mặt chúng ta ngõ hầu cũng tỏa sáng từ bên trong

²⁸ X. Confessiones, VIII, 12, 29: PL 32, 762.

²⁹ De Trinitate, XV, 11, 20: PL 42, 1071: “verbum quod intus lucet”.

chính chúng ta. Hơn nữa, ao ước được nhìn thấy toàn thể, chứ không chỉ những mảnh vụn của lịch sử, vẫn còn đó và chung cuộc sẽ được thỏa mãn, khi con người, như Giám Mục thành Hippo nói, sẽ thấy và sẽ yêu³⁰. Và điều này, không phải vì người ấy sẽ có tất cả ánh sáng, là điều không bao giờ thiếu, nhưng bởi vì người ấy sẽ hoàn toàn bước vào trong ánh sáng.

34. Ánh sáng của tình yêu, thích hợp với đức tin, có thể soi sáng những câu hỏi của thời đại chúng ta về chân lý. Ngày nay chân lý thường bị giảm xuống thành sự xác thực chủ quan của mỗi người, chỉ có giá trị cho cuộc sống cá nhân. Một chân lý chung làm cho chúng ta sợ hãi bởi vì chúng ta đồng hóa nó với việc áp đặt không nhượng bộ của chủ nghĩa chuyên chế. Nhưng nếu chân lý là chân lý của tình yêu, nếu nó là chân lý được tìm thấy trong việc gặp gỡ Đấng Khác và những người khác, như thế nó được giải phóng khỏi việc bị đóng kín trong cá nhân và có thể trở thành một phần của công ích. Bởi vì chân lý của tình yêu không phải là một chân lý cần phải được áp đặt bằng bạo lực, không phải là một chân lý đè bẹp cá nhân. Vì được sinh ra từ tình yêu, nó có thể đến tận con tim, đến trung tâm của mỗi người. Như thế rõ ràng là đức tin không cố chấp, nhưng lớn lên trong sự chung sống và tôn trọng người khác. Các tín hữu không kiêu căng, trái lại, chân lý làm cho họ khiêm tốn, vì biết rằng mình không phải là người sở hữu chân lý, nhưng chính chân lý bao trùm và sở hữu mình. Thay vì làm cho họ thành cứng ngắt, sự an toàn của đức tin đặt họ trên một cuộc hành trình, làm cho họ có thể thành chứng nhân và có thể đối thoại với mọi người.

Mặt khác, ánh sáng đức tin, trong việc kết hợp với chân lý của tình yêu, không xa lạ gì với thế giới vật chất, bởi vì tình yêu luôn luôn sống trong thân xác và linh hồn; ánh sáng Đức tin là một ánh sáng nhập thể tỏa ra từ cuộc đời đầy ánh sáng của Chúa Giêsu. Nó cũng chiếu soi vật chất, tùy thuộc vào trật tự của nó, biết rằng tự nó sẽ mở ra một con đường hòa hợp và hiểu biết rộng lớn hơn bao giờ hết. Cái nhìn về khoa học như thế có lợi cho đức tin: điều này mời gọi các nhà nghiên cứu tiếp tục đón nhận thực tại, trong tất cả sự phong phú vô tận của nó. Đức tin đánh thức tinh thần phê phán bằng cách tránh cho việc nghiên cứu hài lòng với những công thức của mình và giúp nó hiểu rằng thiên nhiên luôn luôn rộng lớn hơn. Bằng cách mời gọi nó kinh ngạc trước mầu nhiệm của việc tạo dựng, đức tin mở rộng chân trời của lý trí để làm sáng tỏ hơn về thế giới là điều tự mở ra cho nghiên cứu khoa học.

Đức tin và việc tìm kiếm Thiên Chúa

35. Ánh sáng của đức tin vào Chúa Giêsu cũng là con đường của tất cả những ai tìm kiếm Thiên Chúa, và cung cấp sự đóng góp cụ thể của Kitô giáo trong cuộc đối thoại với những người theo các tôn giáo khác nhau. Thư gửi tín hữu Do Thái nói cho chúng ta về chứng từ của những người công chính, là những người đã tìm kiếm Thiên Chúa bằng đức tin, trước khi có Giao Ước với ông Abraham. Về ông Enoch, Thư nói rằng “ông đã được chứng

³⁰ X. De Civitate Dei, XXII, 30, 5: PL 41, 804.

giám là đẹp lòng Thiên Chúa” (Dt 11:5), là điều không thể được nếu không có đức tin, bởi vì “ai đến gần Thiên Chúa thì phải tin là Ngài hiện hữu và Ngài thưởng công những ai tìm kiếm Ngài” (Dt 11: 6). Chúng ta cũng có thể hiểu rằng con đường của con người tôn giáo đi qua lời tuyên xưng về một Thiên Chúa, là Đáng chăm sóc họ và là Đáng họ có thể tìm thấy được. Còn phần thưởng nào khác mà Thiên Chúa có thể ban cho những kẻ tìm kiếm Ngài, nếu không phải là để cho họ gặp Ngài? Trước nữa, chúng ta tìm thấy nhân vật Abel, mà người ta cũng ca ngợi đức tin vì Thiên Chúa chấp nhận những của lễ của ông dâng lên Ngài, những con chiên đầu lòng của đàn chiên của ông (x. Dt 11:4). Con người tôn giáo tìm cách nhận ra các dấu chỉ của Thiên Chúa trong những kinh nghiệm hàng ngày của cuộc đời họ, trong chu kỳ các mùa, trong hoa màu ruộng đất và tất cả chuyển động của vũ trụ. Thiên Chúa là ánh sáng, và Ngài cũng có thể được tìm thấy bởi những kẻ tìm kiếm Ngài với một tấm lòng thành.

Hình ảnh của cuộc tìm kiếm này có thể được tìm thấy nơi các nhà đạo sĩ, được hướng dẫn bởi ngôi sao đến tận Bethlehem (x. Mt 2:1-12). Đối với họ, ánh sáng của Thiên Chúa tỏ lộ như con đường, như ngôi sao hướng dẫn họ trên một con đường khám phá dài. Ngôi sao cũng nói lên sự kiên nhẫn của Thiên Chúa với đôi mắt của chúng ta, cần phải trở nên quen thuộc với sự rạng ngời của Ngài. Con người tôn giáo đang trên đường đi và sẵn sàng để cho mình được hướng dẫn, ra khỏi nhà để tìm thấy Thiên Chúa, Đáng luôn luôn bất ngờ. Đối với đôi mắt của con người thì khía cạnh này của Thiên Chúa cho chúng ta thấy rằng, khi con người tiến lại gần Ngài, ánh sáng của con người không bị hòa tan trong ánh sáng bao la của Thiên Chúa, như một ngôi sao bị tràn ngập bởi bình minh, nhưng sẽ trở nên rực rỡ hơn khi nó đến gần ngọn lửa nguyên thủy, như tấm gương phản ánh huy hoàng. Lời tuyên xưng của Kitô giáo về Chúa Giêsu Kitô, Đáng Cứu Độ duy nhất, xác nhận rằng tất cả ánh sáng của Thiên Chúa được tập trung vào Người, vào “cuộc đời đầy ánh sáng” của Người, trong đó tỏ lộ khởi thủy và cùng đích của lịch sử³¹. Không có kinh nghiệm nào của con người, không có con đường nào của con người hướng về Thiên Chúa, mà không thể được đón nhận, thanh lọc và soi sáng bởi ánh sáng này. Một Kitô hữu càng đắm chìm trong vòng được mở ra bởi ánh sáng của Đức Kitô, thì càng có khả năng hiểu và đi cùng con đường của tất cả mọi người người về phía Thiên Chúa.

Vì đức tin được hình thành như một con đường, nó cũng liên quan đến cuộc sống của con người, ngay cả trong những kẻ không tin, những kẻ ước muốn tin và những kẻ không ngừng tìm kiếm. Theo mức độ mở lòng ra với tình yêu từ một con tim chân thành và bắt đầu lên đường với ánh sáng này mà họ có thể nắm bắt được, họ đã sống trên đường hướng về đức tin mà không biết. Họ cố gắng hành động như thể Thiên Chúa hiện hữu, đôi khi vì họ nhận ra tầm quan trọng của Ngài trong việc tìm hướng đi vững chắc trong cuộc sống bình thường hay vì họ cảm nghiệm một ao ước ánh sáng giữa bóng tối, nhưng cũng vì ý thức được rằng cuộc sống cao quý và đẹp đẽ như thế nào, họ thấy trước rằng sự hiện diện của Thiên Chúa sẽ làm cho nó thậm chí cao cả hơn. Thánh Irênê kể lại rằng

³¹ X. Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin, Tuyên ngôn Dominus Iesus (6 tháng 8 năm 2000), 15: AAS 92 (2000), 756.

ông Abraham, trước khi lắng nghe tiếng nói của Thiên Chúa, đã tìm Ngài bằng “một ao ước mãnh liệt của linh hồn” và “ông chạy khắp trái đất tìm xem Thiên Chúa ở đâu” cho đến khi “Thiên Chúa thương xót ông, là người một mình đã tìm Ngài trong thinh lặng”³². Bất cứ ai bắt đầu con đường làm việc lành cho tha nhân thì đã được gần Thiên Chúa rồi, đã được nâng đỡ bởi sự giúp đỡ của Ngài, bởi vì nó là đặc trưng của sự năng động của ánh sáng thần linh để thắp sáng đôi mắt của chúng ta khi chúng ta bước đi về phía sự viên mãn của tình yêu.

Đức tin và thần học

36. Vì đức tin là một ánh sáng, nó thúc đẩy chúng ta bước vào chính nó, để khám phá rộng rãi hơn nữa chân trời mà nó soi sáng, để hiểu rõ hơn những gì mà chúng ta yêu thích. Thần học Kitô giáo được sinh ra từ ước muốn này. Như vậy rõ ràng là thần học không thể không có đức tin, và nó là thành phần của chính tiến trình đức tin, tìm kiếm sự hiểu biết sâu xa hơn nữa của việc tự mặc khải của Thiên Chúa, đạt đến tột đỉnh trong Mầu Nhiệm Đức Kitô. Kết quả đầu tiên là thần học không chỉ cung cấp, như trong các ngành khoa học thực nghiệm, một nỗ lực của lý trí để nghiên cứu kỹ lưỡng và hiểu biết. Không thể thu gọn Thiên Chúa thành một đối tượng. Ngài là một chủ thể, Đáng mặc khải chính mình và tỏ mình ra trong mối liên hệ giữa người với người. Đức tin đúng hướng dẫn lý trí để mở ra cho ánh sáng đến từ Thiên Chúa, do đó, được hướng dẫn bởi tình yêu của chân lý, nó có thể nhận biết Thiên Chúa cách sâu xa hơn. Các tiến sỹ Hội Thánh và các thần học gia vĩ đại thời Trung Cổ đã quả quyết rằng thần học, như một khoa học của đức tin, là việc thông phần vào sự hiểu biết của chính Thiên Chúa. Do đó, thần học không chỉ là một lời về Thiên Chúa, nhưng trước hết là chấp nhận và tìm kiếm một sự hiểu biết sâu xa hơn về những lời mà Thiên Chúa nói với chúng ta, lời mà Thiên Chúa nói về chính Ngài, bởi vì Ngài là một cuộc đối thoại vĩnh cửu về sự hiệp thông, và Ngài đón nhận con người vào cuộc đối thoại này³³. Như thế, sự khiêm nhường tham dự vào thần học bằng cách cho phép nó được Thiên Chúa “chạm đến”, nhìn nhận những giới hạn của nó trước những Mầu nhiệm và cố gắng tìm hiểu sự phong phú khôn lường của Mầu Nhiệm này với kỷ luật lý thích hợp cho lý trí.

Thần học cũng chia sẻ hình thức Hội Thánh của đức tin; ánh sáng của nó là ánh sáng về chủ đề đức tin là Hội Thánh. Một mặt, điều này có nghĩa là thần học được dùng để phục vụ đức tin Kitô giáo, nó phải khiêm tốn gìn giữ và đào sâu niềm tin của mọi người, đặc biệt là những người đơn sơ nhất. Mặt khác, thần học, vì sống nhờ đức tin, không được coi Huấn Quyền của Giáo Hoàng và các Giám Mục hiệp thông với ngài như một điều gì bên ngoài, một điều giới hạn sự tự do của mình, nhưng trái lại, phải như một trong những yếu tố nội tại và cấu thành của nó, bởi vì Huấn Quyền tiếp xúc với suối nguồn nguyên thủy, do đó cung cấp sự chắc chắn cho điều được rút ra từ Lời của Đức Kitô trong sự toàn vẹn của nó.

³² Demonstratio Apostolicae Predicationis, 24: SC 406, 117.

³³ X. S. Bonaventura, Breviloquium, Prol.: Opera omnia, V, Quaracchi 1891, 201; In I Sent., prooem., q. 1, resp.: Opera Omnia, I, Quaracchi 1891, 7; S. Thomas Aquinas, S. Th. I, q. 1.

CHƯƠNG BA
TÔI TRUYỀN LẠI CHO ANH EM
ĐIỀU MÀ TÔI ĐÃ LÃNH NHẬN

(x. 1 Cor 15:3)

Hội Thánh, mẹ của đức tin của chúng ta

37. Những ai đã mở cửa tâm hồn mình cho tình yêu của Thiên Chúa, đã nghe thấy giọng nói của Ngài và nhận được ánh sáng của Ngài, thì không thể giữ món quà này cho riêng mình. Vì khi đức tin được nghe và được thấy, nó cũng được truyền lại như lời nói và ánh sáng. Khi nói với tín hữu Côrinthô, Thánh Phaolô chỉ sử dụng hai hình ảnh này. Một ngày ngài nói: “Vì có được cùng một tinh thần đức tin, như đã chép trong Thánh Kinh: ‘Tôi đã tin, nên tôi mới nói,’ thì chúng tôi cũng tin, nên chúng tôi mới nói” (2 Cor 4:13). Lời, một khi được đón nhận, sẽ trở thành một đáp trả, một tuyên xưng đức tin, và bằng cách này được truyền sang người khác và mời họ tin. Ở phần khác, Thánh Phaolô cũng nhắc đến ánh sáng: “Tất cả chúng ta, với mặt không màn che, phản chiếu vinh quang của Chúa như một tấm gương, được biến đổi nên giống như cũng hình ảnh đó” (2 Cor 3:18). Đó là một ánh sáng phản chiếu từ khuôn mặt này sang khuôn mặt khác, mà ngay cả ông Môsê cũng đã mang trên mình một phản ảnh của vinh quang Thiên Chúa sau khi đàm đạo với Ngài: “Thiên Chúa đã chiếu sáng tâm hồn chúng tôi, để làm sáng tỏ sự hiểu biết về vinh quang của Thiên Chúa trên Dung Nhan Đức Kitô” (2 Cor 4:6). Ánh sáng Đức Kitô chiếu tỏa trên gương mặt các Kitô hữu như trên một tấm gương, vì nó tỏa ra, cho nên nó đến với chúng ta, để chúng ta cũng có thể chia sẻ cái nhìn ấy và phản chiếu ánh sáng ấy cho những người khác, trong cùng một cách như trong phụng vụ lễ Phục Sinh, ánh sáng cây nến Phục Sinh thấp sáng vô số những cây nến khác. Chúng ta có thể nói, đức tin được truyền từ người này sang người khác qua việc tiếp xúc, như một ngọn lửa được thắp từ một ngọn lửa khác. Các Kitô hữu, trong sự nghèo nàn của mình, gieo một hạt giống quá phong phú đến nỗi nó trở thành một cây lớn, có khả năng làm đầy thế giới với trái của nó.

38. Việc truyền bá đức tin, là đức tin soi sáng tất cả mọi người ở mọi nơi, cũng đi qua trục lộ thời gian, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Vì đức tin được sinh ra từ một cuộc gặp gỡ diễn ra trong lịch sử và soi sáng cuộc hành trình của chúng ta qua thời gian, nó phải được truyền lại trong mọi thời đại. Chính qua một chuỗi không đứt đoạn các nhân chứng mà Dung Nhan của Chúa Giêsu được truyền đến tận chúng ta. Điều này làm sao mà có thể được? Làm sao chúng ta có thể chắc chắn rằng chúng ta gặp “Chúa Giêsu thật” sau tất cả những thế kỷ ấy? Nếu con người từng là một cá nhân tách biệt, nếu chúng ta muốn khởi đầu đơn thuần từ “cái tôi” cá nhân, muốn tìm trong chính mình sự chắc chắn của kiến thức, thì một sự chắc chắn như thế là điều không thể có được. Tôi không nhìn thấy qua mình những gì đã xảy ra quá lâu rồi. Nhưng đây không phải là cách duy nhất con người học hỏi. Con người luôn luôn sống trong sự liên hệ. Chúng ta đến từ những người khác, chúng ta thuộc về những người khác, và cuộc đời chúng ta được mở rộng nhờ gặp gỡ những người khác. Ngay cả kiến thức của chúng ta và việc tự hiểu mình, biết chính mình,

cũng đến từ một loại liên hệ, và liên kết với những người khác là những người đã đi trước chúng ta: trước tiên là cha mẹ, là những người đã cho chúng ta sự sống và cho chúng ta tên gọi. Ngay cả ngôn ngữ, những từ ngữ mà chúng ta dùng để cất nghĩa cuộc đời và thế giới chung quanh chúng ta, cũng đến với chúng ta từ những người khác, được giữ gìn trong ký ức sống động của những người khác. Việc tự biết mình chỉ khả thi khi chúng ta thông phần vào một ký ức lớn hơn. Điều đó cũng đúng đối với đức tin, là điều làm cho sự hiểu biết của con người nên hoàn hảo. Việc truyền lại đức tin, hành động này của tình yêu của Chúa Giêsu đã ban sự sống mới cho thế gian, đến với chúng ta qua ký ức của những người khác, những nhân chứng, và được giữ cho sống mãi trong một chủ thể duy nhất của ký ức là Hội Thánh. Hội Thánh là một người Mẹ dạy chúng ta nói ngôn ngữ đức tin. Thánh Gioan nói lên điều này trong Tin Mừng của ngài bằng cách liên kết đức tin với ký ức, và liên kết tất cả với hoạt động của Chúa Thánh Thần, Đấng, như Chúa Giêsu đã nói, “sẽ nhắc nhở các con mọi sự” (Ga 14:26). Tình Yêu là Chúa Thánh Thần và Ngài đang sống trong Hội Thánh, duy trì sự liên kết giữa mọi thời đại với nhau, và làm cho chúng ta thành những người đương thời của Chúa Giêsu, như thế hướng dẫn chúng ta trên cuộc hành trình đức tin của chúng ta.

39. Không thể tin vào chính mình. Đức tin không chỉ đơn thuần là một chọn lựa cá nhân mà người tín hữu làm trong thâm tâm của mình, nó cũng không phải một mối liên hệ hoàn toàn riêng tư giữa cái “tôi” của người tín hữu và Thiên Chúa là “Ngài”, giữa một chủ đề tự trị và Thiên Chúa. Tự bản chất, đức tin được mở ra cho cái “chúng ta” của Hội Thánh, nó luôn luôn xảy ra trong sự hiệp thông của Hội Thánh. Hình thức đối thoại của Kinh Tin Kính được sử dụng trong phụng vụ Rửa Tội nhắc nhở chúng ta về điều này. Việc tin được diễn tả như đáp lại một lời mời, một lời phải được lắng nghe và không phải là của riêng tôi, nhưng nằm trong một cuộc đối thoại, và nó không thể đơn thuần chỉ là một lời tuyên xưng phát xuất từ một cá nhân. Chúng ta có thể trả lời trong số ít - “Tôi tin” - chỉ vì chúng ta là một phần của một sự hiệp thông lớn hơn, chỉ vì chúng ta cũng nói: “Chúng tôi tin”. Sự mở ra này cho cái “Chúng tôi” của Hội Thánh xảy ra theo chính sự mở ra của tình yêu Thiên Chúa, mà không chỉ là mối liên hệ giữa Chúa Cha và Chúa Con, giữa “tôi” và “Chúa”, nhưng còn một “chúng ta”, trong Chúa Thánh Thần, một sự hiệp thông của các ngôi vị. Ở đây chúng ta thấy lý do tại sao người tin không bao giờ một mình, và lý do tại sao đức tin có khuynh hướng lan ra, mời gọi những người khác đến niềm vui của mình. Người lãnh nhận đức tin khám phá ra rằng chân trời của “cái tôi” của họ mở rộng, và các mối liên hệ mới làm phong phú đời sống được chồng chất. Tertullian đã diễn tả điều này cách hiệu quả khi ông mô tả những người tân tòng, “sau khi tắm để tái sinh,” được đón nhận vào nhà của Mẹ để giơ tay và cầu nguyện Kinh Lạy Cha cùng với anh chị em của họ³⁴.

Các bí tích và việc truyền đạt đức tin

40. Hội Thánh, như tất cả các gia đình, truyền lại cho con cái của mình tất cả nội dung ký ức của mình. Nhưng làm sao để không mất một điều gì, mà trái lại, tất cả mọi sự trong gia

³⁴ X. De Baptismo, 20, 5: CCL 1, 295.

sản đức tin lại được hiểu sâu sắc hơn? Chính nhờ việc Tông Truyền được duy trì trong Hội Thánh với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, mà chúng ta được tiếp xúc một cách sống động với ký ức nền tảng. Những điều đã được lưu truyền bởi các Tông Đồ, như Công Đồng Vaticanô II khẳng định, “bao gồm tất cả những gì đóng góp vào việc làm cho đời sống dân Chúa được thánh thiện và gia tăng đức tin của họ. Bằng cách này, Hội Thánh, trong giáo lý, cuộc sống và việc phụng tự của mình, làm sống mãi và truyền cho mọi thế hệ tất cả những gì mình là và tất cả những gì mình tin”³⁵.

Thực ra, đức tin cần có một môi trường mà trong đó nó có thể được làm chứng và truyền đạt, một phương tiện phù hợp và tương xứng với những gì được truyền đạt. Để truyền đạt nội dung hoàn toàn tín lý, một ý tưởng hoặc một cuốn sách có lẽ đủ, hoặc lặp đi lặp lại một sứ điệp được truyền khẩu. Nhưng những gì được truyền lại trong Hội Thánh, những gì được truyền lại trong Truyền Thống sống động của Hội Thánh, là ánh sáng mới phát sinh từ một cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống, một ánh sáng chạm đến con người một cách sâu thẳm, đến tâm hồn, bao gồm cả tâm trí, ý chí và tình cảm của họ, mở ra cho những mối liên hệ sống động trong sự hiệp thông với Thiên Chúa và với tha nhân. Để truyền thông sự sung mãn này, có một công cụ đặc biệt bao gồm toàn thể con người, thân xác và tinh thần, đời sống nội tâm và những liên hệ. Công cụ ấy là các Bí Tích, được cử hành trong phụng vụ của Hội Thánh. Trong đó thông truyền ký ức nhập thể, được liên kết với không gian và thời gian của cuộc sống, và liên hệ mật thiết với tất cả các giác quan; trong đó toàn thể con người được tham gia như một phần tử của một chủ thể sống động, và một phần của một mạng lưới các mối liên hệ cộng đoàn. Trong khi các Bí Tích thực sự là Bí Tích của đức tin³⁶, chúng ta cũng có thể nói rằng đức tin có một cấu trúc Bí Tích. Sự thức tỉnh của đức tin đi qua sự thức tỉnh của một cảm thức bí tích mới về đời sống con người và đời sống Kitô hữu, trong đó cho thấy làm sao các thực tại hữu hình và vật chất tự mở ra cho những Mầu Nhiệm vĩnh cửu.

41. Nơi đầu tiên xảy ra việc truyền lại đức tin là qua bí tích Rửa Tội. Một số người có thể nghĩ rằng bí tích Rửa Tội chỉ đơn thuần là một biểu tượng cho việc tuyên xưng đức tin, một hành vi sự phạm cho những người cần hình ảnh và cử chỉ, mà chung cuộc có thể bỏ qua. Một lời xác quyết của Thánh Phaolô về bí tích Rửa Tội nhắc cho chúng ta rằng không phải như thế. Thánh Phaolô nói rằng “chúng ta đã cùng được mai táng với Người bằng phép rửa trong cái chết của Người, để cũng như Đức Kitô đã sống lại từ cõi chết nhờ vinh quang của Chúa Cha thế nào, thì chúng ta cũng sống một đời sống mới như vậy” (Rm 6:4). Trong bí tích Rửa Tội, chúng ta trở nên một tạo vật mới và dưỡng tử của Thiên Chúa. Thánh Tông Đồ quả quyết rằng các Kitô hữu đã được trao phó cho một “hình thức giáo huấn” (typos didachés), mà giờ đây họ tuân phục bằng cả tâm hồn (x. Rm 6:17). Trong bí tích Rửa Tội, con người nhận được cả giáo lý để tuyên xưng và một cách sống cụ thể đòi hỏi sự tham gia của toàn thể con người và đặt họ trên con đường dẫn đến sự tốt lành. Họ được chuyển sang một quỹ đạo mới, được trao vào một môi trường mới, một

³⁵ Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải Thiên Chúa Dei Verbum, 8.

³⁶ X. Công Đồng Vaticanô II, Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh Sacrosanctum Concilium, 59.

cách mới để làm việc với nhau, trong Hội Thánh. Như thế, bí tích Rửa Tội nhắc cho chúng ta rằng đức tin không phải là công việc của một cá nhân bị cô lập, không phải là một hành động mà một người có thể thực hiện bằng sức riêng của mình, mà là điều phải được nhận qua việc đi vào sự hiệp thông của Hội Thánh, là nơi truyền món quà của Thiên Chúa cho họ: không ai tự rửa tội cho mình, cũng như không ai tự sinh ra chính mình. Chúng ta được rửa tội.

42. Các yếu tố của bí tích Rửa Tội giới thiệu chúng ta vào “hình thức giáo huấn” mới này là gì? Trước hết là Thánh Danh của Thiên Chúa Ba Ngôi - Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần - được cầu khẩn trên người dự tòng. Vì vậy, ngay từ đầu, một tổng hợp của hành trình đức tin được cung cấp. Thiên Chúa, Đấng đã gọi ông Abraham và muốn được gọi là Thiên Chúa của ông; Thiên Chúa, Đấng đã mặc khải Danh của Ngài cho ông Môsê; Thiên Chúa, Đấng khi trao ban Con của Ngài cho chúng ta, đã mặc khải trọn vẹn màu nhiệm của Thánh Danh Ngài, ban cho người được rửa tội một căn tính con thảo mới. Điều này được thấy rõ trong chính hành động rửa tội: việc chìm vào nước. Nước vừa là một biểu tượng của sự chết, mời gọi chúng ta đi qua tự việc hoán cải của “cái tôi” sang một “Cái Tôi” lớn hơn, và một biểu tượng của sự sống, một đời sống trong đó chúng ta được tái sinh bằng cách đi theo Đức Kitô trong đời sống mới của Người. Bằng cách này, qua việc chìm vào nước, bí tích Rửa Tội nói cho chúng ta về cấu trúc nhập thể của đức tin. Hành động của Đức Kitô chạm đến chúng ta trong thực tại cá nhân của chúng ta và biến đổi chúng ta tận gốc, làm cho chúng ta thành nghĩa tử của Thiên Chúa và người thông phần vào bản tính Thiên Chúa. Như vậy, nó sửa đổi tất cả các mối liên hệ của chúng ta, hoàn cảnh cụ thể của chúng ta trong thế giới này và trong vũ trụ, và mở chúng ra cho đời sống hiệp thông của Ngài. Động năng biến đổi, đặc thù của bí tích Rửa Tội giúp chúng ta hiểu tầm quan trọng của thời gian dự tòng, là thời gian mà ngày nay, ngay cả trong các xã hội có nguồn gốc Kitô giáo xưa kia - trong đó số của người lớn tiếp cận bí tích Rửa Tội càng ngày càng gia tăng - tái khám phá ra tầm quan trọng đặc biệt của việc Tân Phúc Âm hóa. Đó là con đường chuẩn bị cho bí tích Rửa Tội, cho việc hoán cải toàn thể cuộc đời của chúng ta trong Đức Kitô.

Để hiểu mối liên hệ giữa bí tích Rửa Tội và đức tin, chúng ta có thể nhắc lại một đoạn của ngôn sứ Isaia, được liên kết với bí tích Rửa Tội trong văn chương Kitô giáo thời xưa: “có pháo đài trên núi đá làm nơi trú ẩn (...) nước uống chẳng lo thiếu bao giờ.” (Is 33:16)³⁷. Người được rửa tội, được giải thoát từ nước sự chết, đã có thể được đặt trong một “pháo đài trên núi đá” vì người ấy đã tìm thấy một điểm tựa vững chắc. Như thế, nước của sự chết được biến đổi thành nước của sự sống. Văn bản Hy Lạp nói về nó như nước piston, nước “trung thành.” Nước Rửa Tội là nước trung thành bởi vì chúng ta có thể tin tưởng vào nó, vì dòng của nó chảy vào sức mạnh của tình yêu Đức Kitô, nguồn gốc sự đảm bảo cho cuộc hành trình của chúng ta trong đời.

³⁷ X. Epistula Barnabae, 11, 5: SC 172, 162.

43. Cấu trúc của bí tích Rửa Tội, hình thức của nó như một việc tái sinh, trong đó chúng ta nhận được một tên mới và một cuộc sống mới, giúp chúng ta hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của bí tích Rửa Tội trẻ em. Trẻ em không có khả năng chấp nhận đức tin bằng một hành động tự do, cũng chưa thể tuyên xưng đức tin của mình; cho nên đức tin được cha mẹ và cha mẹ đỡ đầu nhân danh các em mà tuyên xưng. Vì đức tin là một thực thể sống trong cộng đồng Hội Thánh, một phần của cái “Chúng tôi” chung, trẻ em có thể được nâng đỡ bởi những người khác, là cha mẹ và những người đỡ đầu của các em, và có thể được đón nhận vào đức tin của mình, đó là đức tin của Hội Thánh, điều này được tượng trưng bằng ánh sáng mà cha đưa trẻ thấp lên từ cây nến Phục Sinh. Cấu trúc này của bí tích Rửa Tội cho thấy tầm quan trọng của sự hợp tác giữa Hội Thánh và gia đình trong việc truyền thụ đức tin. Cha mẹ được gọi, như lời Thánh Augustinô, không những chỉ để sinh sản con cái mà còn để dẫn các em lại với Thiên Chúa, ngõ hầu nhờ bí tích Rửa Tội các em có thể được tái sinh làm con cái Thiên Chúa và đón nhận hồng ân đức tin³⁸. Như vậy, cùng với sự sống, trẻ em được định hướng cơ bản và đảm bảo một tương lai tốt đẹp, định hướng này sẽ được củng cố hơn nữa trong bí tích Thêm Sức với ấn tín của Chúa Thánh Thần.

44. Bản tính bí tích của đức tin tìm được cách diễn tả cao nhất trong bí tích Thánh Thể. Thánh Thể là lương thực quý báu cho đức tin: một cuộc gặp gỡ với Đức Kitô thực sự hiện diện trong hành động tối cao của tình yêu, món quà ban sự sống của chính mình. Trong Bí Tích Thánh Thể, chúng ta có hai trục lộ mà trên đó đức tin hành trình. Một đàng là trục lộ lịch sử: Thánh Thể là một hành động tưởng nhớ, một sự hiện tại hóa màu nhiệm, trong đó quá khứ, như biến cố sự chết và sự sống lại, chứng tỏ khả năng mở ra một tương lai, báo trước sự viên mãn chung cuộc. Phụng vụ nhắc nhở chúng ta điều này bằng cách lặp đi lặp lại từ *hodie*, “ngày hôm nay”, của những Màu Nhiệm cứu độ. Đàng khác, chúng ta cũng tìm thấy một trục lộ dẫn từ thế giới hữu hình đến vô hình. Trong bí tích Thánh Thể chúng ta học để hiểu biết chiều sâu của thực tại. Bánh và rượu biến đổi thành Mình và Máu Đức Kitô, Đấng trở nên hiện diện trong cuộc hành trình Vượt Qua của Người về phía Chúa Cha: sự chuyển động này đưa chúng ta, thân xác và linh hồn, vào sự chuyển động của tất cả tạo vật hướng tới sự viên mãn của Người trong Thiên Chúa.

45. Trong việc cử hành các bí tích, Hội Thánh truyền lại ký ức của mình đặc biệt qua việc tuyên xưng đức tin. Tuyên xưng này không chỉ liên quan đến việc đồng ý với một tập hợp những chân lý trừu tượng. Trái lại, trong việc tuyên xưng đức tin toàn thể đời sống được thu hút vào một cuộc hành trình hướng về sự hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa hằng sống. Chúng ta có thể nói rằng trong Kinh Tin Kính, người tín hữu được mời bước vào màu nhiệm mà họ tuyên xưng và để cho mình được biến đổi bởi điều mà mình tuyên xưng. Để hiểu ý nghĩa của xác quyết này, trước hết chúng ta hãy xét đến nội dung của Kinh Tin Kính. Nó có một cấu trúc Ba Ngôi: Chúa Cha và Chúa Con kết hợp trong Thần Khí Tình Yêu. Như thế, người tín hữu xác quyết rằng trung tâm của toàn thể cuộc sống

³⁸ X. De nuptiis et concupiscentia, I, 4, 5: PL 44, 413: “Habent quippe intentionem generandi regenerandos, ut qui ex eis saeculi filii nascuntur in Dei filios renascantur”.

con người, bí mật sâu xa nhất của mọi sự, là sự hiệp thông của Thiên Chúa. Kinh Tin Kính cũng chứa đựng một lời tuyên xưng Kitô học: nó đưa chúng ta qua các Mầu Nhiệm của cuộc đời Đức Kitô cho đến cái Chết, sự Sống Lại và Lên Trời của Người, trong khi chờ đợi cuộc trở lại sau hết của Người trong vinh quang. Nó cho chúng ta biết rằng Thiên Chúa của sự hiệp thông này, tình yêu hỗ tương giữa Chúa Cha và Chúa Con trong Chúa Thánh Thần, có khả năng bao trùm toàn thể lịch sử nhân loại và thu hút nó vào động năng của sự hiệp thông của Ngài, là điều có nguồn gốc và cứu cánh tối hậu trong Chúa Cha. Ai tuyên xưng đức tin của mình được liên kết với chân lý mà mình tuyên xưng. Người ấy không thể thực sự tuyên xưng những lời của Kinh Tin Kính mà không chính mình được biến đổi, mà không được đưa vào một lịch sử của tình yêu bao trùm họ, và mở rộng con người họ bằng cách làm cho họ thành phần tử của một sự hiệp thông lớn lao, của chủ thể cuối cùng mà Kinh Tin Kính tuyên xưng và đó là Hội Thánh. Tất cả những chân lý để tin nói về mầu nhiệm sự sống mới của đức tin như một cuộc hành trình hiệp thông với Thiên Chúa hằng sống.

Đức tin, cầu nguyện và Mười Điều Răn

46. Có hai yếu tố khác rất cần thiết trong việc trung thành truyền lại ký ức của Hội Thánh. Trước hết là Kinh Nguyện của Chúa, kinh "Lạy Cha." Trong kinh này các Kitô hữu học cách thông phần vào cảm nghiệm tâm linh của Đức Kitô và nhìn mọi sự bằng cặp mắt của Người. Từ Người, Đấng là Ánh Sáng bởi Ánh Sáng, Con Một Đức Chúa Cha, chúng ta biết Thiên Chúa và do đó có thể làm dấy lên trong những người khác ao ước đến gần Người.

Cũng quan trọng tương tự như vậy là sự liên hệ giữa đức tin và Mười Điều Răn. Đức tin, như chúng ta đã nói, được coi như một cuộc hành trình, một con đường để đi theo, mở ra cho cuộc gặp gỡ với Thiên Chúa hằng sống. Đó là lý do tại sao trong ánh sáng đức tin và sự tín thác hoàn toàn vào Thiên Chúa, Đấng cứu độ, Mười Điều Răn nhận được chân lý sâu xa nhất của chúng, như đã thấy trong lời giới thiệu của những giới răn này: "Ta là ĐỨC CHÚA, Thiên Chúa của các ngươi, Đấng đã đem các ngươi ra khỏi đất Ai cập" (Xh 20:2). Mười Điều Răn không phải là một tập các mệnh lệnh tiêu cực, nhưng là những hướng dẫn cụ thể để ra khỏi hoang địa của "cái tôi" tự kỷ, tự đóng kín, và tham gia vào cuộc đối thoại với Thiên Chúa, để cho mình được chấp nhận bởi lòng thương xót của Ngài hầu mang lòng thương xót của mình đến cho tha nhân. Như thế, đức tin tuyên xưng tình yêu của Thiên Chúa, nguồn gốc và sự nâng đỡ của tất cả mọi sự, và để cho mình được hướng dẫn bởi tình yêu này mà hành trình tiến đến hoàn toàn hiệp thông với Thiên Chúa. Mười Điều Răn xuất hiện như con đường biết ơn, sự đáp trả của tình yêu, có thể được vì trong đức tin chúng ta mở ra cho kinh nghiệm về tình yêu có sức biến đổi mà Thiên Chúa dành cho chúng ta. Và con đường này nhận được ánh sáng mới từ giáo huấn của Chúa Giêsu trong Bài Giảng Trên Núi (x. Mt 5-7).

Như thế, tôi đã nhắc đến bốn yếu tố tóm tắt kho tàng ký ức mà Hội Thánh truyền lại: việc Tuyên Xưng Đức Tin, việc Cử Hành Các Bí Tích, con đường Mười Điều Răn, và Cầu Nguyện. Giáo lý của Hội Thánh có truyền thống được cấu trúc quanh bốn yếu tố này, điều này gồm cả Sách Giáo Lý của Hội Thánh Công Giáo, công cụ cơ bản mà qua đó, bằng một cách thống nhất, Hội Thánh truyền đạt toàn thể nội dung đức tin của mình: “tất cả những gì mình là, và tất cả những gì mình tin”³⁹.

Sự thống nhất và toàn vẹn của đức tin

47. Sự hợp nhất của Hội Thánh trong thời gian và không gian được liên kết với sự hợp nhất của đức tin: “chỉ có một thân thể, một Thần Khí... một đức tin duy nhất” (Eph 4:4-5). Cũng như ngày nay, việc một nhóm người kết hiệp với nhau vì một nguyên nhân chung, vì có tình cảm với nhau, hay vì chia sẻ cùng một vận mệnh và mục đích duy nhất là điều khả thi. Nhưng khó mà tưởng tượng được một sự hợp nhất trong cùng một chân lý. Có vẻ một sự hợp nhất kiểu này không phù hợp với tự do tư tưởng và tự quyết cá nhân. Tuy nhiên, kinh nghiệm về tình yêu cho chúng ta thấy rằng một cái nhìn chung là điều có thể, vì nhờ yêu mà chúng ta học nhìn thực tại qua đôi mắt người khác, không phải như một điều làm cho cái nhìn của mình bị nghèo nàn đi mà phong phú hóa nó. Tình yêu chân chính, theo cách thức của tình yêu Thiên Chúa, đòi hỏi chân lý, và nhãn quan chung về chân lý, đó là Chúa Giêsu Kitô, là Đấng giúp cho nó trở nên vững chắc và sâu sắc. Đây cũng là niềm vui lớn lao của đức tin: một sự hợp nhất về nhãn quan trong một thân thể và một Thánh Thần duy nhất. Thánh Lê Cả có thể nói: “Nếu đức tin không phải là một, thì nó không phải là đức tin”⁴⁰.

Bí mật của sự hợp nhất này là gì? Đức tin là “một [đức tin duy nhất]”, trước hết, vì sự hợp nhất của Thiên Chúa, Đấng được biết đến và tuyên xưng. Tất cả những tín điều của đức tin nói về Ngài, là những con đường để biết sự hiện hữu của Ngài và việc làm của Ngài. Do đó, chúng là một sự hợp nhất cao hơn nhiều so với bất kỳ sự hợp nhất nào mà lý trí con người có thể xây dựng. Chúng có một sự hợp nhất phong phú hóa chúng, bởi vì được thông truyền cho chúng ta và làm cho chúng ta nên “một.”

Ngoài ra, đức tin cũng là một bởi vì nó quy hướng trực tiếp về một Chúa duy nhất, về cuộc đời Chúa Giêsu, về lịch sử cụ thể mà Người chia sẻ với chúng ta. Thánh Irênê thành Lyons đã xác định rõ ràng khi chống lại lạc giáo Ngộ Đạo. Họ lập luận rằng có hai loại đức tin, một đức tin thô sơ, đức tin đơn giản, không hoàn hảo, được duy trì ở mức của xác thịt của Đức Kitô và chiêm niệm các Mầu Nhiệm của Người; và một loại đức tin khác sâu sắc hơn và hoàn hảo hơn, đức tin thật, giới hạn trong vòng nhóm nhỏ của những người gia nhập [Ngộ Đạo], là những người có khả năng trí tuệ cao, vượt lên trên xác thịt của Chúa Giêsu hướng về những Mầu Nhiệm thần linh mà chưa từng ai biết đến. Đương đầu với xác quyết này, là điều tiếp tục hấp dẫn và có những người theo nó, ngay cả trong thời đại

³⁹ Công Đồng Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải Thiên Chúa Dei Verbum, 8.

⁴⁰ In Nativitate Domini Sermo, 4, 6: SC 22, 110.

chúng ta, Thánh Irênê khẳng định rằng chỉ có một đức tin duy nhất, vì đức tin này luôn luôn đi qua điểm cụ thể của Mầu Nhiệm Nhập Thể, mà không bao giờ siêu vượt xác thịt và lịch sử của Đức Kitô, vì Thiên Chúa đã muốn tỏ mình hoàn toàn trong đó. Vì lý do này, ngài nói, không có sự khác biệt trong đức tin của “những người có khả năng bàn luận nhiều” và “những người nói ít”, giữa những người làm lớn và những người nhỏ: người trước không thể làm gia tăng đức tin, người sau cũng không làm giảm nó⁴¹.

Cuối cùng, đức tin là một bởi vì nó được chia sẻ bởi toàn thể Hội Thánh, là một thân thể duy nhất, một Thánh Thần duy nhất. Trong sự hiệp thông của một chủ thể duy nhất là Hội Thánh, chúng ta nhận được một cái nhìn chung. Nhờ tuyên xưng cùng một đức tin, chúng ta đứng vững trên cùng một đá tảng, chúng ta được biến đổi bởi cùng một Thánh Thần của tình yêu, chúng ta tỏa ra một ánh sáng duy nhất và chúng ta có cùng một cái nhìn duy nhất vào thực tại.

48. Vì đức tin là một, nên nó phải được tuyên xưng trong tất cả sự thanh khiết và toàn vẹn của nó. Chính vì tất cả các tín điều đức tin được nối kết chặt chẽ với nhau, nên khi từ chối một điều trong chúng, dù là điều có vẻ không mấy quan trọng, thì tương tự như bóp méo toàn thể đức tin. Trong mỗi thời đại người ta tìm thấy một số điểm nào đó của đức tin có thể dễ dàng hoặc khó được chấp nhận hơn: đó là lý do tại sao điều quan trọng là phải tinh thức, bởi vì kho tàng đức tin được truyền lại trong sự trọn vẹn của nó (x. 1 Tim 6:20), và bởi vì tất cả mọi khía cạnh của lời tuyên xưng đức tin đều thích hợp và được nhấn mạnh. Thật vậy, vì sự hợp nhất của đức tin là sự hợp nhất của Hội Thánh, bỏ đi một điều gì đó từ đức tin là bỏ đi một điều gì đó từ chân lý của sự hiệp thông. Các Giáo Phụ đã mô tả đức tin như một thân thể, thân thể của chân lý với nhiều chi thể khác nhau, tương tự như thân thể của Đức Kitô và kéo dài trong Hội Thánh⁴². Tính toàn vẹn của đức tin cũng gắn liền với hình ảnh của Hội Thánh như một trinh nữ và lòng chung thủy của Hội Thánh trong tình yêu phối ngẫu dành cho Đức Kitô: làm tổn thương đến đức tin có nghĩa là làm tổn thương đến sự hiệp thông với Thiên Chúa⁴³. Như thế, sự hợp nhất của đức tin là sự hợp nhất của một cơ thể sống động, như nhận xét tuyệt diệu mà Chân Phước Gioan Henry Newman đã đưa ra khi ngài liệt kê đặc tính được ghi nhận để phân biệt sự liên tục của giáo lý theo thời gian, là khả năng đồng hóa tất cả mọi sự mà nó tìm thấy trong các môi trường khác nhau mà trong đó nó hiện diện, và trong các nền văn hóa đa dạng mà nó gặp phải,⁴⁴ qua việc thanh lọc tất cả mọi sự và đưa chúng đến biểu hiện hoàn hảo nhất của chúng. Như thế, đức tin rõ ràng là phổ quát và công giáo, bởi vì ánh sáng của nó tỏa rộng để soi sáng tất cả vũ trụ và toàn thể lịch sử.

⁴¹ X. Irenaeus, *Adversus Haereses*, I, 10, 2: SC 264, 160.

⁴² X. như trên, II, 27, 1: SC 294, 264.

⁴³ X. Augustine, *De Sancta Virginitate*, 48, 48: PL 40, 424-425: “*Servatur et in fide inviolata quaedam castitas virginalis, qua Ecclesia uni viro virgo casta cooptatur*”.

⁴⁴ X. *An Essay on the Development of Christian Doctrine* [Một Tiểu Luận về sự Phát Triển của Học Thuyết Kitô Giáo] (Uniform Edition: Longmans, Green and Company, London, 1868-1881, 185-189).

49. Để phục vụ cho sự hợp nhất của đức tin và thông truyền sự trọn vẹn của nó, Chúa đã ban cho Hội Thánh hồng ân Tông Truyền. Nhờ phương tiện này, tính liên tục của ký ức Hội Thánh được đảm bảo, và người ta có thể chắc chắn đến được với suối nguồn tinh khiết mà từ đó đức tin chảy ra. Như vậy, sự đảm bảo tính liên tục với nguồn gốc được thực thi bởi những con người sống động, điều này tương xứng với đức tin sống động mà Hội Thánh truyền lại. Hội Thánh tùy thuộc vào lòng trung thành của các nhân chứng được Chúa lựa chọn để thi hành nhiệm vụ này. Vì lý do này mà Huấn Quyền luôn luôn nói trong sự vâng phục Lời trước đó mà trên đó đức tin dựa vào; Huấn Quyền đáng tin cậy bởi vì Huấn Quyền tin tưởng vào Lời mà mình nghe, gìn giữ và giải thích⁴⁵. Trong bài giảng chia tay của Thánh Phaolô dành cho các trưởng lão Êphêsô ở Milêto, mà Thánh Luca thuật lại cho chúng ta trong sách Công Vụ Tông Đồ, ngài đã chứng minh rằng ngài đã thi hành nhiệm vụ mà Chúa đã trao phó cho ngài để “công bố toàn thể ý định của Thiên Chúa” (Cv 20:27). Nhờ Huấn Quyền của Hội Thánh, ý định này có thể đến với chúng ta trong tính toàn vẹn của nó, và cùng với nó là niềm vui của việc có thể theo nó một cách hoàn toàn.

CHƯƠNG BỐN

THIÊN CHÚA CHUẨN BỊ CHO HỌ MỘT THÀNH

(x. Dt 11:16)

Đức tin và công ích

50. Trong việc trình bày lịch sử của các tổ phụ và những người công chính của Cựu Ước, Thư gửi tín hữu Do Thái làm nổi bật một khía cạnh thiết yếu của đức tin của các ngài. Thư không những chỉ trình bày đức tin như một cuộc hành trình, mà còn như một tiến trình xây dựng, việc chuẩn bị một nơi mà trong đó con người có thể chung sống. Người xây dựng đầu tiên là ông Noe đã cứu gia đình ông trong tàu (Dt 11:7). Sau đó đến ông Abraham, mà người ta nói về ông rằng bởi đức tin mà ông đã ở trong lều, trong khi chờ đợi thành có nền tảng vững chắc (x. Dt 11:9-10). Từ đức tin phát sinh một sự đáng tin cậy mới, một sự vững chắc mới, mà chỉ một mình Thiên Chúa mới có thể ban cho. Nếu người có đức tin nương tựa vào Thiên-Chúa-Amen, vào Thiên Chúa thành tín (x. Is 65:16), và nhờ thế chính họ trở nên vững chắc, thì chúng ta có thể nói thêm rằng sự vững chắc này của đức tin cũng ám chỉ thành mà Thiên Chúa đang chuẩn bị cho nhân loại. Đức tin cho thấy mối dây liên kết giữa con người có thể trở nên vững chắc như thế nào khi Thiên Chúa hiện diện giữa họ. Nó không chỉ đơn thuần là độ cứng rắn bên trong, một quyết tâm kiên định của người tín hữu; đức tin cũng soi sáng những liên hệ giữa con người bởi vì nó được sinh ra từ tình yêu và đi theo động năng của tình yêu Thiên Chúa. Thiên Chúa là Đấng đáng tin cậy ban cho con người một thành đáng tin cậy.

⁴⁵ X. Công Đồng Vaticanô II, Hiến Chế Tín Lý về Mạc Khải Thiên Chúa Dei Verbum, 10.

51. Chính vì mối liên hệ của nó với tình yêu (x. Gl 5:6), mà ánh sáng đức tin được dùng để phục vụ công lý, lẽ luật và hòa bình một cách cụ thể. Đức tin phát sinh từ một cuộc gặp gỡ với tình yêu nguyên thủy của Thiên Chúa, trong đó ý nghĩa và sự tốt lành của cuộc đời chúng ta trở nên rõ ràng; cuộc đời chúng ta được sáng tỏ theo mức độ mà nó đi vào động năng được mở ra bởi tình yêu này, đến mức nó trở thành một con đường và sự thực hành dẫn đến sự viên mãn của tình yêu. Ánh sáng đức tin có khả năng tăng cường sự phong phú của các mối liên hệ con người, khả năng chịu đựng, khả năng trở nên đáng tin cậy, khả năng phong phú hóa đời sống cộng đồng của họ. Đức tin không kéo chúng ta ra khỏi thế gian hoặc tỏ ra xa lạ với những quan tâm cụ thể của con người thời đại. Nếu không có một tình yêu đáng tin cậy, không có gì thực sự có thể làm cho con người thực lòng hợp nhất với nhau. Sự hợp nhất của họ có thể hiểu được là chỉ dựa trên tiện ích, trên toan tính về những lợi ích hoặc sợ hãi trái ngược nhau, nhưng không dựa trên sự tốt lành của việc cùng nhau chung sống, cũng không dựa trên niềm vui mà sự hiện diện đơn thuần của tha nhân có thể mang lại. Đức tin làm cho chúng ta hiểu cấu trúc của các mối liên hệ giữa con người, vì nó biết rằng nền tảng cuối cùng và số phận dứt khoát là ở nơi Thiên Chúa, trong tình yêu của Ngài, và do đó làm sáng tỏ nghệ thuật xây dựng, trở thành một việc phục vụ cho công ích. Phải, đức tin thực sự là sự tốt lành cho tất cả mọi người, nó là một lợi ích chung. Ánh sáng của nó không chỉ đơn thuần soi sáng phía trong của Hội Thánh, cũng không được sử dụng chỉ để xây một thành vĩnh cửu ở đời sau; nó cũng giúp chúng ta xây dựng các xã hội của chúng ta, để chúng ta có thể hành trình hướng về một tương lai đầy hy vọng. Thư gửi tín hữu Do Thái cho chúng ta một thí dụ về việc này khi, trong số những người có đức tin, thư kể tên ông Samuel và Vua David, những vị mà đức tin cho phép “thực thi công lý” (Dt 11:33). Cách diễn tả này đề cập đến công lý trong việc cai trị của các vị ấy, đến sự khôn ngoan mang lại hòa bình cho dân chúng (x. 1 Sam 12:3-5; 2 Sam 8:15). Những bàn tay của đức tin giơ lên trời, nhưng họ làm thế trong khi xây dựng một thành trong đức ái, dựa trên mối liên hệ mà trong đó tình yêu của Thiên Chúa là nền tảng.

Đức tin và gia đình

52. Trong cuộc hành trình của ông Abraham hướng về thành tương lai, Thư gửi tín hữu Do Thái đề cập đến các phúc lành được truyền từ cha người sang các người con (x. Dt 11:20-21). Môi trường đầu tiên trong đó đức tin soi sáng thành của con người là gia đình. Trước hết tôi nghĩ đến sự kết hợp bền vững giữa người nam và người nữ trong hôn nhân. Sự kết hợp này phát sinh từ tình yêu của họ, như một dấu chỉ và sự hiện diện của tình yêu Thiên Chúa, và việc nhìn nhận cùng chấp nhận sự tốt lành của sự khác biệt giữa giới tính, nhờ đó vợ chồng có thể trở nên một xương một thịt (x. St 2:24) và có thể sinh ra sự sống mới, một biểu hiện của lòng nhân lành, sự khôn ngoan và kế hoạch yêu thương của Đấng Tạo Hóa. Căn cứ vào tình yêu này, một người nam và một người nữ có thể hứa với nhau một tình yêu hỗ tương trong một cử chỉ lên hệ đến toàn thể cuộc sống của họ và phản ánh nhiều bình diện của đức tin. Chúng ta có thể thề hứa một tình yêu vĩnh viễn khi cảm nhận được một kế hoạch lớn hơn những kế hoạch của mình, một kế hoạch nâng đỡ

chúng ta và cho phép chúng ta hiến trọn tương lai cho người mình yêu. Đức tin cũng giúp chúng ta hiểu tất cả chiều sâu và sự phong phú của việc sinh sản con cái, như một dấu chỉ của tình yêu của Đấng Tạo Hóa là Đấng đã trao phó cho chúng ta mầu nhiệm của một con người mới. Vì vậy, chính bà Sarah, nhờ đức tin mà trở thành một người mẹ, vì bà tin cậy vào sự trung tín của Thiên Chúa với lời hứa của Ngài (x. Dt 11:11).

53. Trong gia đình, đức tin đi cùng với mọi lứa tuổi của cuộc đời, bắt đầu với tuổi ấu thơ: trẻ em học cách tin tưởng vào tình yêu của cha mẹ. Đó là lý do tại sao điều rất quan trọng trong gia đình là cha mẹ khuyến khích chia sẻ đức tin để có thể giúp trẻ em từ từ trưởng thành trong đức tin của chúng. Đặc biệt là người trẻ, đang trải qua một giai đoạn trong cuộc sống rất phức tạp, phong phú và quan trọng đối với đức tin của các em. Các em cần phải cảm thấy sự gần gũi và nâng đỡ thường xuyên của gia đình và Hội Thánh trong cuộc hành trình đức tin của các em. Tất cả chúng ta đều thấy, trong Ngày Giới Trẻ Thế giới, những người trẻ bày tỏ niềm vui về đức tin của các em, và sự dấn thân của các em trong một đời sống đức tin vững chắc hơn và quảng đại hơn như thế nào. Những người trẻ muốn một đời sống cao quý. Cuộc gặp gỡ Đức Kitô, việc để cho mình được lôi cuốn và hướng dẫn bởi tình yêu của Người, mở rộng chân trời cuộc đời, cung cấp cho đời sống một niềm hy vọng vững chắc là điều không làm cho nó thất vọng. Đức tin không phải là nơi trú ẩn của những kẻ nhát đảm, nhưng là điều thăng tiến cuộc đời chúng ta. Nó làm cho chúng ta nhận ra một lời mời gọi cao cả, ơn gọi yêu thương. Nó đảm bảo cho chúng ta rằng tình yêu này đáng tin cậy và đáng giá để theo đuổi, vì nó đặt nền tảng trên sự trung tín của Thiên Chúa, mạnh mẽ hơn sự mỏng dòn của chúng ta rất nhiều.

Một ánh sáng cho đời sống xã hội

54. Được hấp thụ và đào sâu trong gia đình, đức tin trở thành ánh sáng có khả năng soi sáng tất cả mọi mối liên hệ của chúng ta trong xã hội. Như kinh nghiệm về tình phụ tử và lòng thương xót của Thiên Chúa, nó mở rộng trong cuộc hành trình huynh đệ. Trong “thời hiện đại”, người ta tìm cách xây dựng tình huynh đệ phổ quát dựa trên sự bình đẳng, nhưng chúng ta dần dần nhận ra rằng tình huynh đệ này không thể bền vững vì không quy chiếu về một Cha chung như nền tảng tối hậu của nó. Như vậy, chúng ta cần phải quay trở lại với cội rễ thực sự của tình huynh đệ. Lịch sử đức tin, ngay từ ban đầu, là một lịch sử của tình huynh đệ, mặc dù không phải là không có tranh chấp. Thiên Chúa gọi ông Abraham rời bỏ xứ sở của ông và hứa sẽ làm cho ông thành một quốc gia to lớn, một dân tộc vĩ đại mà trên dân này phúc lành của Thiên Chúa ở lại (x. St 12:1-3). Như lịch sử cứu độ tiến triển, người ta thấy rõ ràng là Thiên Chúa muốn cho tất cả mọi người được tham gia, như anh chị em, vào phúc lành đặc biệt này, là điều đạt đến viên mãn trong Chúa Giêsu, ngõ hầu tất cả nên một. Tình yêu vô biên của Chúa Cha cũng được thông truyền cho chúng ta, trong Chúa Giêsu, thậm chí qua sự hiện diện của anh chị em chúng ta. Đức tin dạy chúng ta nhìn thấy rằng trong mỗi người có phúc lành dành cho tôi, rằng ánh sáng của Dung Nhan Thiên Chúa chiếu rọi trên tôi qua khuôn mặt của anh chị em tôi.

Cái nhìn của đức tin Kitô giáo đã mang đến thành của con người không biết bao nhiêu lợi ích cho cuộc sống chung của họ! Nhờ đức tin, chúng ta đã hiểu được giá trị độc đáo của mỗi người, là điều mà người ta không thấy rõ trong thời cổ đại. Trong thế kỷ thứ hai, Celsus, một người ngoại giáo, trách cứ các Kitô hữu về một ý tưởng mà ông cho là điên rồ và ảo tưởng: nghĩ rằng Thiên Chúa đã dựng nên thế giới cho con người, đã đặt con người ở tột đỉnh của toàn thể vũ trụ. “Tại sao lại cho rằng [cô] mọc lên vì lợi ích của con người, chứ không phải vì loài dã thú man rợ nhất trong tất cả loài vật mà không có lý do gì hết?”⁴⁶. “Nếu chúng ta từ trời nhìn xuống đất, chúng ta có thực sự thấy bất kỳ sự khác biệt nào giữa các hoạt động của chúng ta và của những con kiến hay con ong không?”⁴⁷. Ở trung tâm của đức tin theo Thánh Kinh là tình yêu của Thiên Chúa, là quan tâm cụ thể của Ngài dành cho tất cả mọi người, và kế hoạch cứu độ của Ngài là kế hoạch bao trùm toàn thể nhân loại và mọi tạo vật, là điều đạt đến tột đỉnh trong việc Nhập Thể, cái Chết và việc Phục Sinh của Chúa Giêsu Kitô. Khi thực tại này bị che khuất, người ta không có tiêu chuẩn để phân biệt điều gì làm cho cuộc sống con người nên quý báu và độc đáo. Con người bị mất chỗ đứng trong vũ trụ, và lạc lõng trong thiên nhiên vì chối bỏ trách nhiệm luân lý của mình, hoặc vì giả bộ làm trọng tài tuyệt đối, tự cho là mình có một quyền năng vô hạn để thao túng.

55. Mặt khác, đức tin, qua việc tỏ cho chúng ta thấy tình yêu của Thiên Chúa là Đấng Tạo Hóa, làm cho chúng ta tôn trọng thiên nhiên hơn nữa, và phân biệt trong đó trong một ngữ pháp được viết bởi bàn tay của Ngài và một nơi cư ngụ được trao cho chúng ta để bảo vệ và chăm sóc. Đức tin cũng giúp chúng ta tìm thấy những mô hình phát triển không chỉ đơn thuần dựa trên tiện ích và lợi nhuận, nhưng coi tạo vật như một hồng ân mà tất cả chúng ta đều phải mang ơn; nó dạy chúng ta khám phá ra những hình thức cai trị công chính, nhìn nhận rằng quyền hành đến từ Thiên Chúa và được dùng để phục vụ công ích. Đức tin cũng xác nhận khả năng tha thứ, là điều thường đòi hỏi thì giờ và nỗ lực, kiên nhẫn và dần thân. Tha thứ là điều có thể khi người ta khám phá rằng sự tốt lành luôn luôn có trước và mạnh hơn sự dữ, và rằng lời mà Thiên Chúa dùng để nâng đỡ cuộc đời chúng ta thì sâu sắc hơn mọi khước từ của chúng ta. Ngoài ra, ngay từ một quan điểm hoàn toàn nhân chủng, sự hợp nhất vẫn cao hơn sự tranh chấp; chúng ta cũng có trách nhiệm phải đối phó với tranh chấp trong khi tìm cách giải quyết nó, để đánh bại nó, biến nó thành một mắt xích trong một chuỗi, trong một tiến trình hướng về sự hiệp nhất.

Khi đức tin bị suy yếu, thì ngay cả những nền tảng của cuộc sống cũng có nguy cơ bị thu hẹp lại, như thi sỹ T. S. Eliot cảnh báo: “Bạn có cần người ta phải bảo bạn rằng ngay cả những thành tựu khiêm tốn này / là những điều cho phép bạn tự hào theo kiểu xã hội thượng lưu / sẽ khó mà tồn tại được nếu không có đức tin, là điều mà nhờ đó chúng trở thành quan trọng không?”⁴⁸. Nếu chúng ta loại bỏ đức tin vào Thiên Chúa ra khỏi các thành của mình, sự tin tưởng lẫn nhau sẽ bị suy yếu, chúng ta sẽ chỉ còn giữ được sự

⁴⁶ Origen, *Contra Celsum*, IV, 75: SC 136, 372.

⁴⁷ Như trên, 85: SC 136, 394.

⁴⁸ "Choruses from The Rock" in: *The Collected Poems and Plays 1909-1950*, New York 1980, 106.

hợp nhất vì sợ hãi mà thôi, và sự ổn định của chúng ta sẽ bị đe dọa. Thư gửi tín hữu Do Thái xác quyết rằng “Thiên Chúa đã không hổ thẹn để cho các ngài gọi mình là Thiên Chúa của các ngài, vì đã chuẩn bị một thành cho các ngài” (Dt 11:16). Ở đây, từ ngữ “không hổ thẹn” liên hệ với việc thừa nhận công khai. Người ta muốn nói rằng Thiên Chúa thú nhận một cách công khai rằng, bằng hành động cụ thể của Ngài, Ngài hiện diện giữa chúng ta, và Ngài muốn củng cố mọi mối liên hệ giữa loài người. Chẳng lẽ chúng ta lại là những kẻ cảm thấy xấu hổ khi gọi Thiên Chúa là Thiên Chúa của mình sao? Chẳng lẽ chúng ta lại là những kẻ không dám tuyên xưng Ngài như thế trong đời sống công cộng của mình, là những người không dám nói lên sự cao cả của cuộc sống chung mà Ngài làm cho khả dĩ sao? Đức tin soi sáng cuộc sống trong xã hội. Nó có một ánh sáng sáng tạo dành cho mỗi giai đoạn mới của lịch sử, bởi vì nó đặt tất cả mọi biến cố trong sự liên hệ với nguyên thủy và cứu cánh của mọi sự trong Chúa Cha, là Đấng yêu thương chúng ta.

Một sức mạnh an ủi trong đau khổ

56. Khi viết cho các tín hữu Côrintô về những gian nan và đau khổ của mình, Thánh Phaolô liên kết đức tin của ngài với việc rao giảng Tin Mừng. Thực ra, ngài nói rằng trong ngài lời Thánh Kinh: “Tôi đã tin, nên tôi mới nói” (2 Cor 4:13) đã được thực hiện. Thánh Tông Đồ nhắc đến một câu của Thánh Vịnh 116, trong đó tác giả Thánh Vịnh thốt lên: “Tôi giữ đức tin của tôi, ngay cả khi tôi nói: ‘Tôi rất khốn khổ’” (câu 10). Nói về đức tin cũng liên quan đến việc nói về những thử thách đau đớn, nhưng thực ra, Thánh Phaolô thấy trong chúng tôi rao giảng có sức thuyết phục nhất của Tin Mừng, vì chính trong sự yếu đuối và đau khổ mà chúng ta khám phá ra rằng quyền năng của Thiên Chúa thắng vượt sự yếu đuối và đau khổ của mình. Chính Thánh Tông Đồ thấy mình ở trong một tình trạng bị chết, là tình trạng sẽ trở nên sự sống cho các Kitô hữu (x. 2 Cor 4:7-12). Trong giờ thử thách, đức tin soi sáng chúng ta; trong đau khổ và yếu đuối, chúng ta thấy rõ rằng “[...] chúng tôi không rao giảng chính mình, mà rao giảng Chúa Giêsu Kitô là Chúa” (2 Cor 4:5). Chương mười một của Thư gửi tín hữu Do Thái kết thúc bằng việc nhắc đến những người chịu đau khổ vì đức tin (x. Dt 11:35-38); trong số đó có một chỗ đặc biệt dành cho ông Môsê, người đã mang trên mình sự sỉ nhục của Đức Kitô (xem câu 26). Người Kitô hữu biết rằng mình không thể loại bỏ đau khổ, nhưng chúng có thể có ý nghĩa và trở thành một hành động yêu thương, tín thác vào vào bàn tay Thiên Chúa là Đấng không bỏ rơi chúng ta, bằng cách này, nó là một giai đoạn tăng trưởng trong đức tin và tình yêu. Qua việc chiêm niệm sự kết hợp của Đức Kitô với Chúa Cha, cả trong giờ phút đau khổ tột đỉnh của Người trên Thánh Giá (x. Mc 15:34), người Kitô hữu học chia sẻ cùng một cái nhìn của Chúa Giêsu. Vì thế ngay cả cái chết cũng được sáng tỏ và có thể được cảm nghiệm như lời mời gọi cuối cùng với đức tin, lời mời gọi sau cùng “Hãy rời bỏ vùng đất của người” (St 12:1), lời mời gọi “Hãy đến!” cuối cùng mà Đức Chúa Cha nói, mà với Ngài chúng ta phó thác trong sự tự tin rằng Ngài cũng sẽ củng cố chúng ta ngay cả trong bước cuối cùng của chúng ta.

57. Ánh sáng đức tin và cũng không làm cho chúng ta quên đi những đau khổ của thế giới này. Những người đang chịu đau khổ là những trung gian của ánh sáng cho biết bao nhiêu người nam nữ có đức tin! Với Thánh Phanxicô thành Assisi và người phong cùi, hoặc với Chân Phước Mẹ Têrêsa thành Calcutta và những người nghèo của mẹ cũng thế. Các ngài đã hiểu màu nhiệm hoạt động trong đó. Khi đến gần những người đau khổ, các ngài chắc chắn không thể loại bỏ tất cả những nỗi đau của họ, hoặc giải thích được mọi sự dữ. Đức tin không phải là một ánh sáng xua tan tất cả mọi bóng tối của chúng ta, nhưng là một ngọn đèn hướng dẫn các bước đi của chúng ta trong đêm tối và vừa đủ cho cuộc hành trình. Đối với những người đau khổ, Thiên Chúa không ban cho những lý lẽ để giải thích mọi sự, nhưng đúng hơn, Ngài ban cho họ câu trả lời dưới hình thức một sự hiện diện đồng hành, một lịch sử của sự tốt lành kết hợp với mỗi câu chuyện về đau khổ để mở ra cho nó một tia sáng. Trong Đức Kitô, Thiên Chúa muốn chia sẻ cuộc hành trình này với chúng ta và ban cho chúng ta cái nhìn của Người để chúng ta có thể nhìn thấy ánh sáng ở trong nó. Đức Kitô, Đấng đã chịu đau khổ, là “Đấng khai mở và kiên toàn đức tin” (Dt 12:2).

Sự đau khổ nhắc nhở chúng ta rằng việc phục vụ công ích của đức tin luôn luôn là việc phục vụ của hy vọng, một niềm hy vọng nhìn về phía trước, trong khi biết rằng xã hội của chúng ta chỉ có thể tìm thấy nền tảng vững chắc và lâu dài của nó từ Thiên Chúa, từ một tương lai đến từ Chúa Giêsu Phục Sinh mà thôi. Theo nghĩa này, đức tin liên kết với đức cậy, cho dù nơi ở của chúng ta ở dưới thế có thể bị phá hủy, chúng ta có một nơi ở vĩnh cửu mà Thiên Chúa đã chuẩn bị cho chúng ta trong Đức Kitô, trong thân thể của Người (x. 2 Cor 4:16 - 5:5). Như thế, động năng của đức tin, đức cậy (hy vọng) và đức mến (bác ái) (x. 1 Th 1:3; 1 Cor 13:13) dẫn chúng ta đến ôm ấp những quan tâm của tất cả mọi người trong cuộc hành trình của chúng ta hướng về thành này “là thành mà Thiên Chúa vừa là kiến trúc sư vừa là người xây dựng” (Dt 11:10), bởi vì “hy vọng không làm chúng ta thất vọng” (Rm 5:5).

Trong sự hợp nhất với đức tin và đức mến, đức cậy đẩy chúng ta về một tương lai vững chắc, nằm trong một viễn cảnh khác với những đề nghị hão huyền của các thần tượng của thế gian, cung cấp một động lực mới và sức mạnh cho cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Đừng để cho niềm hy vọng của mình bị ai cướp mất, hoặc để cho nó trở nên vô ích vì những giải pháp và những đề nghị tức thời là những điều ngăn chặn cuộc hành trình của chúng ta, là những điều đập nát thời gian ra “thành từng mảnh vụn” và biến đổi nó thành không gian. Thời gian luôn luôn lớn hơn nhiều so với không gian. Không gian làm cho tiến trình bị cứng lại, trong khi thời gian đẩy tới tương lai và khuyến khích chúng ta tiến bước trong hy vọng.

Phúc cho Bà, vì đã tin (Lc 1,45)

58. Trong dụ ngôn người gieo giống, Thánh Luca tường thuật những lời này mà Chúa Giêsu đã dùng để giải thích ý nghĩa của “đất tốt”: “Đó là những kẻ khi nghe Lời Chúa thì

nghe Lời Chúa với một tâm hồn cao thượng và đại lượng, mà sinh hoa kết quả nhờ kiên tâm bền chí.” (Lc 8:15). Trong bối cảnh của Tin Mừng Thánh Luca, đề cập đến một tâm hồn cao thượng và đại lượng, nói về những người nghe và giữ lời, bao gồm một chân dung tiềm ẩn của đức tin của Đức Trinh Nữ Maria. Chính thánh sử nói về ký ức của Đức Mẹ Maria, làm sao Mẹ giữ trong lòng mình tất cả những gì Mẹ đã nghe và đã thấy, để từ đó có thể sinh hoa kết quả trong đời sống của Mẹ. Mẹ của Chúa là biểu tượng hoàn hảo của đức tin, như Thánh Elidabeth nói: “Phúc cho em vì đã tin” (Lc 1:45).

Trong Đức Mẹ Maria, thiếu nữ Sion, lịch sử lâu dài của đức tin của Cựu Ước đã được thể hiện, với tường thuật về đời sống của rất nhiều phụ nữ trung thành, bắt đầu với bà Sarah, là những phụ nữ, cùng với các Tổ Phụ, là nơi mà lời hứa của Thiên Chúa đã được hoàn thành và cuộc sống mới nở hoa. Trong thời viên mãn, Lời Chúa đã nói cùng Mẹ Maria và Mẹ đã đón nhận với tất cả con người, trong tâm hồn Mẹ, để Lời ấy có thể thành nhục thể trong lòng Mẹ và được sinh ra như ánh sáng cho nhân loại. Thánh Gustinô Tử Đạo, trong cuộc đối thoại với Tryphô, sử dụng một cách diễn tả tuyệt vời mà qua đó ngài nói rằng Đức Maria, khi chấp nhận sứ điệp của thiên sứ, đã thụ thai “đức tin và niềm vui”⁴⁹. Thực ra, trong Mẹ Chúa Giêsu, đức tin thể hiện trọn vẹn hoa trái của nó, và khi đời sống tinh thần của chúng ta sinh hoa trái làm cho chúng ta trở nên tràn đầy niềm vui, đó là dấu chỉ rõ ràng nhất về sự cao cả của đức tin. Trong cuộc sống của mình, Đức Mẹ hoàn thành cuộc hành hương đức tin, theo bước chân của Con Mẹ⁵⁰. Như vậy, trong Đức Mẹ, cuộc hành trình đức tin của Cựu Ước được tiếp tục bằng việc đi theo Đức Kitô, để cho Người biến đổi, và đi vào trong nhãn quan của Con Thiên Chúa Nhập Thể.

59. Chúng ta có thể nói rằng nơi Đức Trinh Nữ Maria, chúng ta thấy thể hiện điều mà tôi đã đề cập trước đây, nghĩa là người tín hữu được hoàn toàn thu hút vào lời tuyên xưng đức tin của mình. Vì Đức Mẹ liên kết chặt chẽ với Chúa Giêsu, Mẹ cũng liên kết chặt chẽ với những gì mà chúng ta tin. Trong việc thụ thai mà vẫn còn đồng trinh của Mẹ, chúng ta có một dấu chỉ rõ ràng về việc làm Con Thiên Chúa của Đức Kitô. Nguồn gốc vĩnh cửu của Đức Kitô trong Chúa Cha. Người là Con theo một ý nghĩa tổng thể và độc nhất, và vì vậy Người được sinh ra trong thời gian mà không cần sự can thiệp của một người nam. Như Chúa Con, Chúa Giêsu mang đến cho thế giới một khởi đầu mới và một ánh sáng mới, sự viên mãn của tình yêu trung tín của Thiên Chúa, Đấng tự hiến mình cho nhân loại. Ngoài ra, tình mẫu tử thật sự của Đức Mẹ Maria cũng đảm bảo cho Con Thiên Chúa một lịch sử nhân loại đích thực, một xác thịt thật sự, trong đó Người sẽ chết trên Thánh Giá và sống lại từ cõi chết. Đức Mẹ Maria sẽ đi theo Chúa Giêsu cho đến tận Thánh Giá (x. Ga 19:25), từ đó tình mẫu tử của Mẹ sẽ mở rộng cho tất cả các môn đệ của Người (x. Ga 19:26-27). Mẹ cũng sẽ có mặt trong căn phòng trên lầu, sau khi Chúa Giêsu Phục Sinh và Lên Trời, cùng các Tông Đồ cầu xin ơn Chúa Thánh Thần (x. Cv 1,14). Chuyển động của tình yêu giữa Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần chạy qua lịch sử của chúng ta, và Đức Kitô lôi kéo chúng ta về với chính Người để cứu chúng ta (x. Ga 12:32). Ở trung

⁴⁹ X. *Dialogus cum Tryphone Iudaeo*, 100, 5: PG 6, 710.

⁵⁰ X. Công Đồng Vatican II, Hiến Chế Tín Lý về Hội Thánh Lumen Gentium, 58

tâm đức tin của chúng ta là lời tuyên xưng về Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa, sinh bởi một người nữ, là Đấng đem chúng ta đến việc làm nghĩa tử, nhờ hồng ân của Chúa Thánh Thần (x. Gal 4:4).

60. Chúng ta hãy hướng về Đức Mẹ Maria, Mẹ Hội Thánh và Mẹ của đức tin của chúng ta trong cầu nguyện.

Lạy Mẹ, xin giúp đỡ đức tin của chúng con!

Xin mở tai chúng con để lắng nghe lời Chúa và nhận ra giọng của Thiên Chúa cùng lời mời gọi của Người.

Xin đánh thức trong chúng con ước muốn đi theo bước chân Người, ra đi từ vùng đất của chúng con và nhận được lời hứa của Người.

Xin giúp chúng con để chúng con được tình yêu của Người chạm đến, và để chúng con có thể chạm vào Người trong đức tin.

Xin giúp chúng con phó thác hoàn toàn cho Người và tin vào tình yêu của Người, đặc biệt là trong những lúc bị thử thách và của thập giá, khi đức tin của chúng con được mời gọi đến trường thành.

Xin gieo trong đức tin của chúng con niềm vui của Đấng Phục Sinh.

Xin nhắc nhở chúng con rằng những người tin không bao giờ một mình.

Xin dạy cho con nhìn tất cả mọi sự với cặp mắt của Chúa Giêsu, để Người có thể là ánh sáng cho cuộc hành trình của chúng con. Và xin cho ánh sáng đức tin này luôn luôn lớn lên trong chúng con, cho đến một ngày không có hoàng hôn, chính là Đức Kitô, Con Mẹ và Chúa chúng con!

Ban hành tại Rôma, tại Đền Thánh Phêrô, ngày 29 tháng 6,
Lễ Hai Thánh Tông Đồ Phêrô và Phaolô,
năm 2013, năm thứ nhất của triều đại giáo hoàng của tôi.

PHANXICÔ
+ Giáo Hoàng